



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Thành phố Hồ Chí Minh*

Số 51

Ngày 01 tháng 9 năm 2014

## MỤC LỤC

Trang

### **PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 06-8-2014 - Quyết định số 28/2014/QĐ-UBND ban hành Quy định chế độ trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong công tác quản lý, bảo vệ di sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 3

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4**

- 01-8-2014 - Quyết định số 02/2014/QĐ-UBND ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của Quận 4. 10

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN**

- 05-8-2014 - Chỉ thị số 03/2014/CT-UBND về tăng cường công tác giáo dục quốc phòng và an ninh trong tình hình mới trên địa bàn quận Bình Tân. 24

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI**

- 04-8-2014 - Chỉ thị số 01/2014/CT-UBND về triển khai các giải pháp chủ yếu tập trung hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu về kinh tế - xã hội và ngân sách năm 2014. 27

**PHẦN VĂN BẢN KHÁC****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 06-8-2014 - Quyết định số 3811/QĐ-UBND về việc đính chính Quyết định số 13/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố. 33
- 08-8-2014 - Quyết định số 3845/QĐ-UBND về phê duyệt “Chương trình xây dựng Hệ thống thông tin quản lý xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2014 - 2020”. 35
- 13-8-2014 - Quyết định số 3967/QĐ-UBND về việc đính chính Chỉ thị số 13/2014/CT-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố. 54
- 13-8-2014 - Quyết định số 3984/QĐ-UBND về ủy quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. 56

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI**

- 11-8-2014 - Quyết định số 9023/QĐ-UBND về công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ đầu theo Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật. 58

# PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

## ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/2014/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 8 năm 2014*

### QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chế độ trách nhiệm người đứng đầu  
các cơ quan, đơn vị trong công tác quản lý, bảo vệ đê điều  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều;

Căn cứ Nghị định số 157/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ quy định chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước trong thi hành nhiệm vụ, công vụ;

Căn cứ Nghị định số 34/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật đối với công chức;

Căn cứ Nghị định 139/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đề điều; phòng, chống lụt, bão;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1404/TTr-SNN ngày 11 tháng 7 năm 2014; ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số

3164/STP-VB ngày 16 tháng 6 năm 2014 và Sở Nội vụ tại Công văn số 495/SNV-SN ngày 23 tháng 4 năm 2014,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chế độ trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong công tác quản lý, bảo vệ đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Thanh Liêm**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**Chế độ trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong công tác quản lý, bảo vệ đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 28/2014/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

### **Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định chế độ trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị của Nhà nước và cấp phó được cấp Trưởng phân công (gọi tắt là người đứng đầu) trong công tác quản lý, bảo vệ đô thị và quản lý các lĩnh vực có liên quan đến an toàn đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Người đứng đầu của các cơ quan, đơn vị:

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị chuyên ngành thuộc Sở tham mưu về lĩnh vực quản lý, bảo vệ đô thị.

b) Các Sở, ban, ngành thành phố, các cơ quan, đơn vị có liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ quản lý, bảo vệ đô thị và các lĩnh vực có liên quan đến an toàn đô thị.

c) Ủy ban nhân dân các quận - huyện nơi có đô (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện).

d) Các Phòng, ban chức năng tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện về công tác quản lý, bảo vệ đô thị.

đ) Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn nơi có đô (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).

e) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức có hoạt động liên quan đến đô thị.

2. Cấp phó của người đứng đầu quy định tại Khoản 1 Điều này phải chịu trách nhiệm trước pháp luật như người đứng đầu trong lĩnh vực được cấp Trưởng phân công.

**Điều 3. Trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác quản lý, bảo vệ đê điều được quy định trên cơ sở những căn cứ sau**

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị do pháp luật quy định.

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu trong công tác quản lý, bảo vệ đê điều.

3. Căn cứ nội dung, chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu quy định tại Điều 5 Quy định này.

**Điều 4. Nguyên tắc xác định chế độ trách nhiệm người đứng đầu**

1. Đảm bảo khách quan, đúng người, đúng việc, đúng quy định.

2. Theo quy định của pháp luật và điều kiện cụ thể trong việc tổ chức thực hiện ở địa phương, đơn vị.

## **Chương II**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 5. Chế độ trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác quản lý, bảo vệ đê điều**

1. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm chỉ đạo Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao trong công tác quản lý, bảo vệ đê điều; tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trong việc chỉ đạo, đôn đốc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc xử lý vi phạm đê điều.

2. Giám đốc Sở, thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý có liên quan đến công tác bảo vệ đê điều có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc quản lý, bảo vệ, xây dựng, tu bổ đê điều, xử lý vi phạm đê điều theo quy định.

3. Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão chịu trách nhiệm

tham mưu cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong công tác quản lý, bảo vệ đê điều trên địa bàn thành phố.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo các Phòng, ban chức năng cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đê triển khai thực hiện công tác quản lý, bảo vệ đê điều trên địa bàn.

b) Tổ chức xử lý dứt điểm vi phạm theo quy định, đối với những vi phạm nghiêm trọng phải báo cáo ngay cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để chỉ đạo giải quyết.

c) Thời gian xử lý vi phạm không quá 10 ngày làm việc, kể từ khi phát hiện hành vi vi phạm và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

5. Người đứng đầu các phòng, ban chức năng cấp huyện có liên quan chịu trách nhiệm tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ngăn chặn và xử lý kịp thời các vi phạm đê điều theo quy định của pháp luật, đồng thời chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định.

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đê:

a) Chịu trách nhiệm quản lý, bảo vệ đê điều trên địa bàn, tổ chức xử lý dứt điểm vi phạm theo quy định của pháp luật, đồng thời báo cáo lên Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về đê điều cho nhân dân trên địa bàn phụ trách quản lý.

c) Chỉ đạo Lực lượng Quản lý đê nhân dân tăng cường công tác kiểm tra phát hiện, ngăn chặn và báo cáo kịp thời các hành vi vi phạm về quản lý và bảo vệ đê điều; tuần tra, canh gác, bảo vệ đê điều trong mùa mưa lũ, triều cường, lụt, bão trên các tuyến đê thuộc địa bàn quản lý.

d) Thời hạn xử lý vi phạm không quá 05 ngày làm việc, kể từ khi phát hiện hành vi vi phạm và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

7. Người đứng đầu các tổ chức, đơn vị có hoạt động liên quan đến đê điều chịu trách nhiệm trực tiếp hoặc liên đới về việc để xảy ra hành vi vi phạm pháp luật về đê điều trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách; tùy theo tính chất, mức độ sẽ bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

**Điều 6. Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu trong công tác quản lý, bảo vệ đê điều**

1. Hoàn thành tốt nhiệm vụ: Không để xảy ra hành vi vi phạm đến an toàn đô điều trên địa bàn phụ trách, quản lý.

2. Hoàn thành nhiệm vụ: Phát hiện, tổ chức ngăn chặn, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm, không để vi phạm tái diễn.

3. Không hoàn thành nhiệm vụ: Để xảy ra số vụ vi phạm nhiều (trên 02 vụ) thuộc địa bàn quản lý và không có biện pháp xử lý hoặc xử lý không dứt điểm làm ảnh hưởng đến an toàn đô điều.

### **Điều 7. Hình thức khen thưởng, kỷ luật**

1. Khen thưởng: người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thành tích trong việc ngăn chặn, xử lý vi phạm đô điều được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng hiện hành.

2. Xử lý kỷ luật: Căn cứ mức độ ảnh hưởng đến an toàn đô điều và trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao để xem xét quyết định hình thức xử lý kỷ luật đối với người đứng đầu theo quy định của Nghị định số 34/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật đối với công chức.

## **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 8. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

1. Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc chấp hành chế độ trách nhiệm người đứng đầu theo quy định tại Quyết định này.

2. Phối hợp với các cơ quan chức năng tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, đánh giá mức độ thực hiện chế độ trách nhiệm người đứng đầu trong công tác quản lý, bảo vệ đô điều; chuẩn bị các hồ sơ, tài liệu để Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định việc xử lý khi người đứng đầu vi phạm theo quy định.

3. Chỉ đạo Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố tình hình thực hiện theo định kỳ 06 tháng đầu năm, cuối năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

**Điều 9. Trách nhiệm của Giám đốc Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã nơi có đô**



1. Theo chức năng, nhiệm vụ người đứng đầu có trách nhiệm triển khai và tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy định tại Quyết định này.

2. Tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện theo định kỳ 06 tháng đầu năm, cuối năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Thanh Liêm**

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4****ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN 4****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2014/QĐ-UBND

Quận 4, ngày 01 tháng 8 năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng  
cán bộ, công chức, viên chức của Quận 4****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng, và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 143/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 03/2011/TT-BNV ngày 25 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài chính Quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;

Quyết định 35/2013/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ quận 4 tại Tờ trình số 798/TTr-PNV ngày 30 tháng 7 năm 2014,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn quận 4.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 4, Trưởng phòng Nội vụ quận 4, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tiến Đạt**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**QUẬN 4**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

### **Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của Quận 4**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2014/QĐ-UBND  
ngày 01 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân quận 4)*

### **Chương I**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng**

##### **1. Đối tượng áp dụng:**

- a) Cán bộ, công chức, viên chức đang làm việc trong các cơ quan, đơn vị thuộc quận.
- b) Viên chức làm việc theo hợp đồng không xác định thời hạn trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quận.
- c) Cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách tại Ủy ban nhân dân phường.
- d) Các đối tượng khác thực hiện đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân thành phố và Ban Thường vụ Quận ủy quận 4 (nếu có).

Sau đây gọi chung là cán bộ, công chức, viên chức.

##### **2. Phạm vi áp dụng:**

- a) Quy chế này được áp dụng cho tất cả các trường hợp cán bộ, công chức, viên chức quận 4 được cử đi học các lớp đào tạo, bồi dưỡng để chuẩn hóa, nâng cao năng lực chuyên môn phục vụ nhiệm vụ đang đảm nhận và vị trí công tác, sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước.
- b) Đối với công chức đang thực hiện chế độ tập sự; cán bộ quản lý doanh nghiệp và các hội khi tham gia vào các lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hội nhập, kinh tế quốc tế chuyên sâu do các cơ quan nhà nước tổ chức đào tạo ở trong nước được áp dụng một số điều của Quy chế này.

c) Các trường hợp cán bộ, công chức, viên chức đi học không thuộc kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của cơ quan, đơn vị, thủ trưởng cơ quan, đơn vị xem xét giải quyết tùy theo tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị; kinh phí do cá nhân tự túc.

## **Điều 2. Mục tiêu, nguyên tắc trong công tác đào tạo, bồi dưỡng**

### **1. Mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng:**

Nhằm cập nhật kiến thức, bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng và phương pháp thực hiện nhiệm vụ được giao; trang bị kiến thức về lý luận chính trị, quản lý hành chính nhà nước, chuyên môn, nghiệp vụ nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thành thạo về chuyên môn, nghiệp vụ, có đủ năng lực xây dựng nền hành chính tiên tiến, hiện đại.

### **2. Nguyên tắc đào tạo, bồi dưỡng:**

a) Công tác đào tạo, bồi dưỡng phải căn cứ vào: vị trí việc làm; yêu cầu quản lý theo tiêu chuẩn của từng chức vụ lãnh đạo, quản lý; tiêu chuẩn của ngạch công chức, hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; quy hoạch, kế hoạch xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị đáp ứng được yêu cầu phát triển cơ quan, đơn vị trong tương lai và nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng trong phát triển nghiệp vụ của cán bộ, công chức, phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao.

b) Bảo đảm tính tự chủ của cơ quan quản lý, đơn vị sử dụng cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng; kết hợp cơ chế phân cấp và cơ chế cạnh tranh trong tổ chức đào tạo, bồi dưỡng.

c) Bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả trong quy hoạch và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

d) Khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức học tập, nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; đề cao vai trò tự học và quyền của cán bộ, công chức, viên chức trong việc lựa chọn chương trình bồi dưỡng theo vị trí việc làm.

đ) Đảm bảo thực hiện đúng chế độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 33 Luật Viên chức và Điều 4 Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức (gọi tắt là Nghị định số 18/2010/NĐ-CP), chế độ đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị theo quy định của cơ quan có thẩm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam; Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định 35/2013/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố (gọi tắt là Quyết định 35/2013/QĐ-UBND) và các quy định khác có liên quan.

### **Điều 3. Tiêu chuẩn và điều kiện để cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng**

#### **1. Các tiêu chuẩn chung:**

Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng phải đảm bảo:

a) Đã được bổ nhiệm chính thức vào ngạch công chức (đối với công chức), hợp đồng dài hạn (đối với viên chức), trong biên chế hoặc tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (đối với cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách công tác tại phường); có trình độ chuyên môn phù hợp với nội dung, chương trình của khóa đào tạo, bồi dưỡng; chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp và phải gắn với quy hoạch, kế hoạch sắp xếp, bố trí, luân chuyển cán bộ, công chức, viên chức của từng cơ quan, đơn vị.

b) Có đủ sức khỏe tham dự khóa học, có trình độ đáp ứng yêu cầu tuyển sinh của cơ sở đào tạo. Cam kết tham dự khóa đào tạo, bồi dưỡng và thực hiện phục vụ nhiệm vụ, công vụ sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo với thời gian tối thiểu theo quy định của pháp luật.

c) Có ít nhất 03 năm liên tục hoàn thành tốt nhiệm vụ đối với trường hợp đi đào tạo và hoàn thành tốt nhiệm vụ năm trước khi được cử đi bồi dưỡng.

d) Không đang trong thời gian xem xét kỷ luật, đình chỉ công tác, đối tượng bị điều tra, trong thời gian thi hành kỷ luật, đang nghỉ theo chế độ chính sách quy định.

#### **2. Các tiêu chuẩn cụ thể:**

a) Đối với đào tạo sau đại học:

Thực hiện theo điểm a, khoản 2, Điều 3, Chương I của Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 35/2013/QĐ-UBND.

b) Đối với các loại hình đào tạo, bồi dưỡng còn lại:

Thực hiện theo điểm b, khoản 2, Điều 3, Chương I của Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 35/2013/QĐ-UBND.

#### **3. Một số quy định khác:**

a) Đối với việc cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo ở nước ngoài, ngoài việc thực hiện các quy định của thành phố, còn thực hiện các quy định tại Chương III Thông tư số 03/2011/TT-BNV. Không cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo,

bồi dưỡng ở nước ngoài vì mục đích giải quyết chính sách và những người không đảm bảo sức khỏe để tham dự các khóa học.

b) Đối với việc cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo sau đại học tại các chương trình liên kết đào tạo giữa cơ sở đào tạo nước ngoài và cơ sở đào tạo trong nước thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố.

c) Các trường hợp đào tạo, bồi dưỡng do yêu cầu phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho việc: thành lập mới, nâng cấp hoặc chia tách đơn vị, đào tạo sau đại học... sẽ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định tùy theo tình hình thực tế tại địa phương.

#### **Điều 4. Thẩm quyền ban hành quyết định cử đi đào tạo, bồi dưỡng**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng đối với:

a) Các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và Ủy ban nhân dân phường thuộc diện Ban Thường vụ Quận ủy quản lý (gọi chung là cán bộ quản lý):

- Nếu thời gian khóa học dưới 10 ngày, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định cử đi học và báo cáo Thường trực Quận ủy danh sách cán bộ quản lý tham dự khóa học.

- Nếu thời gian khóa học từ 10 ngày trở lên, cơ quan cử đi học đề xuất danh sách về Phòng Nội vụ, Phòng Nội vụ tổng hợp xin ý kiến Thường trực Ủy ban nhân dân quận và Thường trực Quận ủy trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định cử cán bộ quản lý tham dự khóa học.

b) Cán bộ, công chức, viên chức thuộc cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và Ủy ban nhân dân phường thuộc quận.

2. Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân quận quản lý cử viên chức, người lao động của đơn vị tham dự các lớp bồi dưỡng ngắn hạn theo chuyên ngành, đồng thời báo cáo danh sách tham dự khóa học về Ủy ban nhân dân quận thông qua Phòng Nội vụ. Các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn có thời gian từ 03 ngày trở lên phải đề nghị Phòng Nội vụ tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định cử đi học.

#### **Điều 5. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng**

- Việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho

công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện theo quy định hiện hành.

- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức quận được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước duyệt hàng năm; đóng góp của các cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ, công chức, viên chức; đóng góp của cá nhân cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng; các nguồn thu hợp pháp theo quy định từ hoạt động sự nghiệp và từ các nguồn kinh phí do các tổ chức, cá nhân, đơn vị tài trợ theo các chương trình, dự án hợp tác.

## **Chương II**

### **QUẢN LÝ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC**

#### **Điều 6. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng**

1. Phòng Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức về công tác chuyên môn, nghiệp vụ, chính trị hàng năm trình Ủy ban nhân dân quận ban hành.

2. Trung tâm bồi dưỡng Chính trị quận chuẩn bị tốt cơ sở, vật chất đảm bảo tổ chức tốt các lớp đào tạo, bồi dưỡng tại quận.

#### **Điều 7. Các hình thức đào tạo, bồi dưỡng**

- Các hình thức cơ bản tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức là tập trung, bán tập trung, vừa làm vừa học, từ xa và tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn.

- Cán bộ, công chức, viên chức tự đào tạo nâng cao trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học, sau đại học về chuyên môn không đi học trong giờ hành chính.

#### **Điều 8. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức**

1. Cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên báo cáo thủ trưởng cơ quan, đơn vị kết quả tự học tập, tự nâng cao trình độ lý luận; kiến thức, kỹ năng hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ và các kiến thức bổ trợ khác theo quy định; thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều 35 Luật Viên chức và Điều 4 Nghị định số 18/2010/NĐ-CP.

2. Cán bộ, công chức, viên chức đang giữ chức vụ và thuộc ngạch, chức danh nào đều phải được đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng các tiêu chuẩn trình độ kiến thức quy định cho chức vụ, ngạch và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đó.



3. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng phải chấp hành tốt nội quy, quy chế và chịu sự quản lý của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trong thời gian tham gia khóa học và phải đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ học tập quy định tại Khoản 2 Điều 35 Luật Viên chức, Khoản 1 Điều 34 của Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

4. Sau khi kết thúc khóa học, cán bộ, công chức, viên chức phải báo cáo kết quả học tập cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng và phô tô văn bằng, chứng chỉ gửi về Ủy ban nhân dân quận thông qua Phòng Nội vụ.

5. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 03/2011/TT-BNV.

6. Cán bộ, công chức, viên chức không chấp hành quyết định cử đi đào tạo, bồi dưỡng của cơ quan, cấp có thẩm quyền mà không có lý do chính đáng sẽ bị xem xét xử lý kỷ luật theo quy định.

### **Điều 9. Quyền lợi của cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng**

1. Đối với đào tạo, bồi dưỡng trong nước:

a) Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng được cơ quan quản lý, sử dụng bố trí thời gian và kinh phí theo quy định.

b) Trong thời gian được cử đi dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng, cán bộ, công chức, viên chức được hưởng nguyên lương, phụ cấp và các chế độ khác theo quy định.

c) Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo sau đại học trong diện quy hoạch đào tạo, sau khi tốt nghiệp và có bằng được hưởng chế độ hỗ trợ khuyến khích theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố.

d) Được tính thời gian đào tạo, bồi dưỡng vào thời gian công tác liên tục.

đ) Được biểu dương, khen thưởng về kết quả xuất sắc trong đào tạo, bồi dưỡng.

e) Các chế độ chính sách: tiền lương, phụ cấp hay chế độ khuyến khích,... do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý xem xét giải quyết hoặc trình cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết theo quy định.

2. Đối với đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài: Cán bộ, công chức, viên chức được

cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài được tính thời gian đào tạo, bồi dưỡng vào thời gian công tác liên tục và chế độ khác theo quy định của pháp luật đối với việc cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước.

### **Điều 10. Trường hợp phải đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng**

1. Đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng áp dụng đối với các trường hợp cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài và trong nước không hoàn thành khóa học.

2. Cán bộ, công chức, viên chức phải đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng và các chi phí khác theo quy định trong các trường hợp sau:

a) Được cử đi đào tạo, bồi dưỡng nhưng không tham gia khóa học (kể cả trường hợp cơ quan, đơn vị giải quyết với bất kỳ lý do gì); không hoàn thành khóa học hoặc bị đình chỉ học tập.

b) Tham gia khóa học đầy đủ thời gian theo quy định (có xác nhận của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng) nhưng không được cấp văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận đã hoàn thành khóa học.

c) Tự ý bỏ việc, xin thôi việc theo nguyện vọng cá nhân trong thời gian được cử đi đào tạo, bồi dưỡng hoặc xin chuyển công tác trong thời gian cử đi đào tạo, bồi dưỡng, gồm:

- Chuyển công tác sang các cơ quan, đơn vị không thuộc phạm vi ngân sách thành phố và quận cấp kinh phí đào tạo, bồi dưỡng.

- Chuyển công tác sang các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi ngân sách thành phố và quận cấp kinh phí đào tạo, bồi dưỡng để làm công việc không phù hợp với trình độ, chuyên ngành được cử đi đào tạo, bồi dưỡng.

d) Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, bồi dưỡng mà không chấp hành sự phân công, điều động của tổ chức, cơ quan có thẩm quyền; tự ý bỏ việc; đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc; vi phạm pháp luật bị xử lý kỷ luật; chuyển công tác khỏi khu vực nhà nước thuộc phạm vi ngân sách thành phố và quận đài thọ vì lý do cá nhân hoặc chưa công tác đủ thời gian yêu cầu phục vụ theo quy định.

đ) Cán bộ, công chức, viên chức đã hoàn thành khóa học và được cấp bằng tốt nghiệp (đối với các trường hợp công chức được cử đi đào tạo từ trình độ trung cấp trở lên) nhưng bỏ việc, xin thôi việc hoặc chuyển công tác sang các cơ quan, đơn vị không thuộc phạm vi ngân sách thành phố và quận cấp kinh phí đào tạo, bồi dưỡng mà chưa phục vụ đủ thời gian yêu cầu phục vụ theo quy định của pháp luật.

**Điều 11. Hội đồng xét đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng**

1. Phòng Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân quận quyết định thành lập Hội đồng xét đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức phải thực hiện đền bù tại Điều 10 của Quy chế này.

2. Thành phần Hội đồng, nguyên tắc làm việc và cuộc họp của Hội đồng xét đền bù được thực hiện theo quy định tại Điều 28, 29, 30 Thông tư số 03/2011/TT-BNV.

**Điều 12. Chi phí đền bù**

Chi phí đền bù, cách tính chi phí đền bù; Điều kiện được tính giảm chi phí đền bù, quyết định đền bù, trả và thu hồi chi phí đền bù thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2011/TT-BNV.

**Điều 13. Quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng các cơ quan Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội**

Việc quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo thẩm quyền quản lý cán bộ của Ban Thường vụ Quận ủy quận 4.

**Điều 14. Quản lý nhà nước về công tác đào tạo, bồi dưỡng các cơ quan hành chính, sự nghiệp**

- Ủy ban nhân dân quận quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, các tổ chức xã hội khác và Ủy ban nhân dân phường.

- Phòng Nội vụ quận là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân quận quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc hệ thống Nhà nước quản lý.

**Điều 15. Trách nhiệm và quyền hạn của Phòng Nội vụ quận 4**

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị xây dựng và trình Ủy ban nhân dân quận các chế độ, chính sách thuộc lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc quận.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị xây dựng, tổng hợp kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm trình Ủy ban nhân dân quận ban hành.

3. Thực hiện hoặc phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổ chức các khóa bồi dưỡng kỹ năng chuyên ngành theo quy định; tham mưu Ủy ban nhân dân quận tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng theo vị trí việc làm của cán bộ, công chức, viên chức.

4. Thực hiện thông báo chiêu sinh, tổng hợp danh sách, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận cử cán bộ, công chức, viên chức tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng do thành phố tổ chức.

5. Thực hiện kiểm tra công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và Ủy ban nhân dân phường thuộc quận.

6. Đề xuất Ủy ban nhân dân quận khen thưởng, kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng theo quy định hiện hành.

7. Tổ chức, hướng dẫn thực hiện theo dõi và tổng hợp kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của quận; báo cáo (định kỳ hoặc đột xuất) kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc quận cho Ủy ban nhân dân quận và Sở Nội vụ thành phố.

8. Chủ trì việc lập kế hoạch sử dụng, quản lý kinh phí đào tạo, bồi dưỡng từ nguồn ngân sách nhà nước được Ủy ban nhân dân quận duyệt hàng năm; Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân quận sử dụng hiệu quả, đúng quy định kinh phí đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và Ủy ban nhân dân phường.

9. Tham mưu Ủy ban nhân dân quận quản lý, cấp phát và quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc quận.

10. Hàng năm tham mưu Ủy ban nhân dân quận trích kinh phí từ tổng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức để chi phí cho công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (tổ chức triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; hội nghị sơ kết, tổng kết; hoạt động kiểm tra, khen thưởng; tổ chức trao đổi, khảo sát công tác đào tạo...).

11. Tham mưu Ủy ban nhân dân quận sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng chi cho công tác tổ chức các khóa đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tại quận.

#### **Điều 16. Trách nhiệm của Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 4**

1. Phối hợp Phòng Nội vụ quận tổng hợp kế hoạch, lập dự toán chi ngân sách cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trình Ủy ban nhân dân quận phê duyệt hàng năm.

2. Phối hợp với Phòng Nội vụ quận tham mưu trình Ủy ban nhân dân quận ban hành chính sách chế độ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội và khả năng ngân sách của quận.

3. Hướng dẫn thực hiện quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đối với các cơ quan, đơn vị theo đúng quy định; phối hợp Phòng Nội vụ báo cáo việc sử dụng nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hàng năm.

**Điều 17. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân phường thuộc Ủy ban nhân dân quận 4**

1. Căn cứ quy định tiêu chuẩn chức danh, tiêu chuẩn ngạch bắt buộc, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng, đồng thời bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức thực hiện công việc, không làm ảnh hưởng nhiệm vụ công tác chuyên môn tại đơn vị.

2. Xây dựng kế hoạch và đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tại đơn vị hàng năm, gửi về Ủy ban nhân dân quận thông qua Phòng Nội vụ.

3. Tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tại cơ quan, đơn vị; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân quận về chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng hàng năm đã được phê duyệt.

4. Tạo điều kiện để mỗi cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng đảm bảo hàng năm tối thiểu 40 tiết theo quy định tiêu chuẩn ngạch bắt buộc; theo dõi, kiểm tra việc tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng của cán bộ, công chức, viên chức tại đơn vị; kịp thời nhắc nhở, chấn chỉnh cán bộ, công chức, viên chức tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng không đầy đủ, chưa nghiêm túc, đưa ra cuộc họp góp ý bình xét danh hiệu thi đua hàng năm.

5. Báo cáo kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý về Ủy ban nhân dân quận thông qua Phòng Nội vụ theo định kỳ 6 tháng, năm hoặc đột xuất; phối hợp với Phòng Nội vụ xây dựng, thực hiện các chương trình, đề án liên quan đến chính sách phát triển nguồn nhân lực của quận.

6. Sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng đúng đối tượng, đúng ngành, đúng lĩnh vực và bố trí công việc phù hợp với trình độ chuyên môn cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng; theo dõi, đánh giá kết quả học tập của cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý.

7. Đề xuất tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng phù hợp chuyên ngành, vị trí việc làm của cán bộ, công chức, viên chức.

### **Chương III**

## **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 18. Chế độ thông tin báo cáo**

1. Định kỳ hàng năm, các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân phường báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đã được phê duyệt; số lượng cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng; các lớp đào tạo, tập huấn đã tổ chức; tình hình cán bộ, công chức, viên chức tự đào tạo nâng cao trình độ. Đồng thời, lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của năm tiếp theo trên cơ sở quy hoạch chung của quận.

- Thời gian gửi báo cáo 6 tháng công tác đào tạo, bồi dưỡng về Ủy ban nhân dân quận thông qua Phòng Nội vụ trước ngày 20 tháng 5 hàng năm.

- Thời gian gửi báo cáo năm công tác đào tạo, bồi dưỡng về Ủy ban nhân dân quận thông qua Phòng Nội vụ trước ngày 15 tháng 11 hàng năm.

- Thời gian đăng ký nhu cầu và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho năm tiếp theo gửi về Ủy ban nhân dân quận thông qua Phòng Nội vụ trước ngày 01 tháng 9 hàng năm.

2. Trên cơ sở báo cáo của các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân phường, Phòng Nội vụ tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân quận, Sở Nội vụ thành phố theo định kỳ, cụ thể:

- Báo cáo 6 tháng công tác đào tạo, bồi dưỡng của quận trước ngày 5 tháng 6 hàng năm.

- Báo cáo năm công tác đào tạo, bồi dưỡng của quận trước ngày 01 tháng 12 hàng năm

- Tổng hợp đăng ký nhu cầu và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho năm tiếp theo trình Ủy ban nhân dân quận ban hành trước ngày 20 tháng 9 hàng năm.

3. Phòng Nội vụ chủ trì phối hợp các cơ quan, đơn vị thực hiện kịp thời các báo cáo đột xuất thuộc lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu của thành phố; đồng thời tham mưu Ủy ban nhân dân quận văn bản nhắc nhở, phê bình các cơ quan, đơn vị không chấp hành nghiêm túc chế độ thông tin báo cáo theo quy định.

#### **Điều 19. Chế độ kiểm tra**

Phòng Nội vụ chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân quận tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất, giám sát đánh giá tình hình thực hiện các nội dung của Quy chế, kế hoạch, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân phường, bảo đảm đạt các chỉ tiêu được giao, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ quy định; báo cáo Ủy ban nhân dân quận có biện pháp xử lý kịp thời những trường hợp sai phạm; đồng thời tham mưu trình Ủy ban nhân dân quận khen thưởng theo quy định các cá nhân và tổ chức có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

#### **Điều 20. Triển khai thực hiện**

Giao Phòng Nội vụ phối hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân quận tham mưu Ủy ban nhân dân quận triển khai thực hiện Quy chế này; trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân quận để được xem xét, giải quyết, chỉ đạo thực hiện./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tiến Đạt**

## ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN

ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN BÌNH TÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/2014/CT-UBND

*Bình Tân, ngày 05 tháng 8 năm 2014*

### CHỈ THỊ

#### VỀ TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH TRONG TÌNH HÌNH MỚI TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN BÌNH TÂN

Căn cứ Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh;

Căn cứ Thông tri số 29-TT/QU ngày 15 tháng 01 năm 2014 của Quận ủy Bình Tân về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quân sự - quốc phòng năm 2014;

Thời gian qua, Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh quận cùng với các cấp ủy đảng, Ủy ban nhân dân các phường và các ban, ngành, đoàn thể đã triển khai thực hiện công tác giáo dục quốc phòng, an ninh trên địa bàn quận đạt được những kết quả nhất định. Tuy nhiên, vẫn còn một số đơn vị, cơ sở chưa nhận thức và quan tâm đầy đủ về trách nhiệm đối với công tác giáo dục quốc phòng, an ninh cơ chế tổ chức thực hiện thiếu thống nhất, chưa phối hợp đồng bộ giữa các ban, ngành, đơn vị có liên quan.

Để triển khai công tác giáo dục quốc phòng, an ninh trong tình hình mới trên địa bàn quận Bình Tân trở thành nền nếp thường xuyên, góp phần thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, Ủy ban nhân dân quận chỉ thị như sau:

#### 1. Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh quận:

Phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể, các cơ quan, doanh nghiệp, cấp ủy - Ủy ban nhân dân phường triển khai quán triệt đầy đủ Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh; Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ về



quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh; các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo và hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng, an ninh cho các đối tượng trên địa bàn quận nhằm nâng cao nhận thức cho mọi người trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu “diễn biến hòa bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch.

Tiếp tục củng cố kiện toàn Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh quận và phường đủ thành phần và số lượng quy định; bảo đảm phát huy và tăng cường trách nhiệm cá nhân trong thực hiện hoạt động quy chế của Hội đồng; thực hiện đầy đủ các chương trình, nội dung quy định về công tác giáo dục quốc phòng và an ninh cho các đối tượng.

Nâng cao vai trò tham mưu, bảo đảm hiệu quả thực hiện nhiệm vụ và thời gian triển khai; sơ kết, tổng kết công tác giáo dục quốc phòng và an ninh của Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh quận.

**2.** Ban Chỉ huy quân sự quận chủ trì phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo quận, Phòng Nội vụ quận, Phòng Tài chính và Kế hoạch quận và các ban, ngành, đoàn thể có liên quan hướng dẫn thực hiện và giải thích những vấn đề vướng mắc về giáo dục quốc phòng và an ninh toàn dân trong tình hình mới ở các cấp, các ngành trong hệ thống chính trị, bảo đảm số lượng giáo viên, giảng viên, chế độ học tập, cơ sở vật chất cho công tác giảng dạy và học tập. Đồng thời phối hợp, theo dõi kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, địa phương tổ chức thực hiện và bảo đảm kinh phí cho giáo dục quốc phòng và an ninh trong tình hình mới.

**3.** Phòng Văn hóa và Thông tin quận có kế hoạch tăng cường và nâng cao chất lượng công tác thông tin tuyên truyền giáo dục quốc phòng và an ninh trên các phương tiện thông tin đại chúng và truyền thông từ quận đến cơ sở.

**4.** Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, Hội Cựu chiến binh quận, Liên đoàn Lao động quận, Quận đoàn Bình Tân, Hội Liên hiệp phụ nữ quận, các tổ chức xã hội tham gia phối hợp thực hiện công tác giáo dục quốc phòng và an ninh cho các đối tượng thuộc ngành mình.

Ủy ban nhân dân quận đề nghị Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh quận, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự quận, thủ trưởng các cơ quan đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường tổ chức thực hiện nghiêm túc chỉ thị này.

Chỉ thị này có hiệu lực sau 07 (bảy) ngày kể từ ngày ký và thay thế Chỉ thị số

03/2008/CT-UBND ngày 12 ngày 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận về tăng cường công tác quốc phòng, an ninh trong tình hình mới trên địa bàn quận Bình Tân./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Văn Chính**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI****ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN CỬ CHI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2014/CT-UBND

*Củ Chi, ngày 04 tháng 8 năm 2014***CHỈ THỊ****Về triển khai các giải pháp chủ yếu tập trung hoàn thành các nhiệm vụ,  
chỉ tiêu về kinh tế - xã hội và ngân sách năm 2014**

Từ đầu năm 2014 đến nay, tình hình kinh tế của huyện tiếp tục phát triển ổn định, sản xuất công nghiệp tăng 14,98%, nông nghiệp tăng 12,03% và khu vực thương mại - dịch vụ tăng 19,17%. Chương trình bình ổn thị trường được triển khai đạt kết quả cao đã góp phần bình ổn giá trên địa bàn. Thu ngân sách huyện đạt kết quả khá. Chương trình xây dựng nông thôn mới tiếp tục được triển khai thực hiện tích cực. Lĩnh vực văn hóa - xã hội tiếp tục có nhiều tiến bộ, công tác an sinh xã hội, giảm nghèo, lao động - việc làm, y tế, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân tiếp tục được thực hiện tốt.

Tuy nhiên, tình hình kinh tế vẫn còn khó khăn do giá xăng dầu, giá điện tăng dẫn đến giá một số mặt hàng thiết yếu tăng, ảnh hưởng đến hoạt động của các doanh nghiệp và đời sống người lao động thu nhập thấp. Tình hình buôn lậu, gian lận thương mại còn diễn biến phức tạp. Công tác đền bù, giải phóng mặt bằng được quan tâm, nhưng vẫn còn một số dự án còn chậm triển khai gây bức xúc trong nhân dân. Công tác thi hành án dân sự, thi hành các quyết định hành chính có hiệu lực pháp luật còn chậm. An ninh chính trị tiếp tục giữ vững sự ổn định, tuy nhiên phạm pháp hình sự và tệ nạn xã hội vẫn còn xảy ra nhiều nơi.

Thực hiện Kết luận số 206-KL/TU của Hội nghị lần thứ 18 Thành ủy khóa IX và Nghị quyết số 08/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp lần thứ 14 về tình hình kinh tế - văn hóa - xã hội Thành phố 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 6 tháng cuối năm 2014; Chỉ thị số 17/2014/CT-UBND ngày 18/7/2014 của UBND Thành phố về triển khai các giải pháp chủ yếu tập trung hoàn

thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu về kinh tế - xã hội và ngân sách năm 2014. Để tiếp tục phát huy tinh thần năng động, sáng tạo, tận dụng thời cơ, vượt qua khó khăn thách thức, hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2014; nay UBND huyện chỉ thị:

1. Thủ trưởng các phòng ban, đơn vị huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn:

a) Tập trung tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế. Công khai minh bạch các tài liệu, thủ tục về quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển ngành kinh tế và sản phẩm chủ lực, các tài liệu về chính sách pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh; đẩy mạnh chương trình hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế gắn với tái cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước. Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính theo hướng đơn giản hóa các thủ tục có liên quan đến doanh nghiệp và người sản xuất, kinh doanh. Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, triệt để chống sách nhiễu nhằm tiết kiệm chi phí và thời gian cho doanh nghiệp. Tổ chức thường xuyên các cuộc đối thoại giữa chính quyền với doanh nghiệp nhằm trao đổi thông tin, tháo gỡ khó khăn, giải đáp thắc mắc của doanh nghiệp; tuyên truyền phổ biến chính sách mới và thảo luận đóng góp xây dựng pháp luật về sản xuất, kinh doanh. Rà soát những thủ tục gây khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, đề xuất xử lý ngay để tạo điều kiện cho doanh nghiệp đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh. Thủ trưởng các đơn vị phải thường xuyên đi cơ sở, phát huy vai trò của tập thể, kịp thời xử lý, tháo gỡ các khó khăn và đề xuất các cấp thẩm quyền ban hành các chính sách pháp luật để hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

b) Kiểm soát chặt chẽ và minh bạch thu, chi ngân sách nhà nước, đầu tư công, nhất là đầu tư từ ngân sách nhà nước; huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng đầu tư công, tăng tỷ trọng đầu tư của khu vực ngoài nhà nước; tập trung vốn ngân sách cho các công trình hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2014. Nâng cao ý thức trách nhiệm về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng các nguồn lực nhà nước cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội và các nhiệm vụ quan trọng cấp bách khác; quản lý khai thác có hiệu quả nguồn thu và tăng cường chống thất thu ngân sách nhà nước. Quán triệt tinh thần đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh đến từng cán bộ, công chức, viên chức, công nhân và người lao động, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh là yêu nước; giữ gìn, bảo vệ nhà máy, xí nghiệp, không để kẻ xấu lợi dụng, kích động, gây rối, có hành vi vi phạm pháp luật; mỗi cán bộ, công chức, viên chức, công nhân và

người lao động là một hạt nhân góp phần hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh tại từng cơ quan, đơn vị.

c) Triển khai các giải pháp thực hiện Kết luận số 187-KL/TU của Thành ủy về sơ kết 3 năm thực hiện 6 chương trình đột phá; Chỉ thị số 14/2014/CT-UBND ngày 09/7/2014 của UBND Thành phố về tiếp tục tổ chức thực hiện 6 Chương trình đột phá; nâng cao trách nhiệm của các cơ quan thường trực trong việc kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm và đề ra các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện từng chương trình. Chuẩn bị sơ kết 5 năm thực hiện 6 Chương trình đột phá làm cơ sở để Đại hội Đảng bộ huyện xem xét và đề ra các chương trình giai đoạn 2015-2020.

d) Tăng cường công tác tuyên truyền, lãnh đạo, chỉ đạo định hướng trong hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân nhận thức đúng, hiểu rõ tình hình biển Đông và chủ trương, sách lược của Đảng ta, tạo sự đồng thuận, chia sẻ, chung sức vượt qua khó khăn, thách thức; phát huy kết quả đạt được sau khắc phục những hạn chế, khuyết điểm qua kiểm điểm tự phê bình, phê bình của các cấp ủy, tổ chức Đảng, cơ quan, đơn vị theo Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay” gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

## 2. Phòng Kinh tế huyện:

- Tập trung chỉ đạo phát triển sản xuất nông nghiệp, tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm và cây trồng; phối hợp kiểm soát chặt chẽ việc buôn bán, vận chuyển, giết mổ gia cầm; xử lý ngay các ổ dịch phát sinh, không để ảnh hưởng đến nguồn cung thực phẩm; phấn đấu đến cuối năm 2014, đạt 100% hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh (riêng Thị trấn Củ Chi đạt 100% hộ dân sử dụng nước sạch). Tập trung phối hợp thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới để đạt được mục tiêu, kế hoạch đề ra.

- Tiếp tục thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; phát huy hiệu quả của Chương trình bình ổn thị trường qua các năm nhằm góp phần phục vụ nhu cầu tiêu dùng hàng hóa thiết yếu, kiềm chế lạm phát và đảm bảo an sinh xã hội; thường xuyên phối hợp kiểm tra công tác tạo nguồn hàng, cung ứng hàng hóa và các điểm bán hàng bình ổn thị trường, nhất là tại các xã vùng xa, khu vực đông dân cư, khu, cụm công nghiệp. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát và quản lý thị trường, xúc tiến doanh nghiệp Thành phố với doanh nghiệp địa phương để tạo nguồn hàng phong phú, đa dạng, ổn định, phục vụ nhu cầu sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng.

3. Phòng Quản lý đô thị huyện đẩy nhanh tiến độ các chương trình nhà ở trên địa bàn (nhà ở tái định cư, nhà ở xã hội...); tham UBND huyện xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ trên địa bàn huyện góp phần đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020; phấn đấu đến cuối năm 2014, nâng diện tích nhà ở bình quân đầu người lên  $16,8\text{m}^2/\text{người}$ .

4. Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện phối hợp Phòng Quản lý đô thị huyện, UBND các xã, thị trấn đẩy mạnh công tác rà soát các dự án chậm tiến độ, các dự án đã có chủ trương giao đất, thuê đất nhưng chưa triển khai thực hiện hoặc chậm thực hiện, tập trung giải quyết các vấn đề bức xúc của nhân dân về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Triển khai các văn bản quy phạm pháp luật về thi hành Luật Đất đai năm 2013, đặc biệt là các quy định có liên quan đến chính sách đất đai đối với doanh nghiệp.

#### 5. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện:

- Tăng cường công tác quản lý điều hành nhằm bình ổn giá cả thị trường; quản lý, điều hành các mặt hàng thiết yếu, dịch vụ công phù hợp nhằm giảm bớt khó khăn cho doanh nghiệp và giảm áp lực tăng giá. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý giá, phí đối với những mặt hàng thuộc danh mục Nhà nước định giá, mặt hàng bình ổn giá. Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về tăng giá, phí tùy tiện, trái pháp luật và công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng; tập trung đôn đốc, đẩy mạnh khai thác nguồn thu từ chuyển quyền sử dụng đất, chuyển nhượng nhà đất thuộc sở hữu nhà nước qua sắp xếp theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg. Triển khai Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2025.

- Phối hợp Kho bạc Nhà nước và các phòng ban, đơn vị huyện, UBND các xã, thị trấn điều hành dự toán chi ngân sách theo đúng dự toán được duyệt, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức; tăng cường quản lý chi tiêu ngân sách và tài sản công, đảm bảo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, thất thoát; triển khai đồng bộ và hiệu quả các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý chi tiêu ngân sách ở tất cả các ngành, các cấp. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về quản lý, sử dụng ngân sách, mua sắm và sử dụng tài sản công nhằm đưa công tác quản lý chi tiêu ngân sách, sử dụng tài sản nhà nước đi vào nề nếp. Tiếp tục tập trung xử lý các khoản tạm ứng, thanh quyết toán các công trình, dự án, thu hồi vốn để chi đầu tư phát triển; không giải quyết tạm ứng tiếp cho các dự án mà chủ đầu tư không làm thủ tục thanh toán đối với các khoản đã tạm ứng trước đó.

6. Chi Cục thuế huyện tăng cường các biện pháp để quản lý nguồn thu và bồi dưỡng nguồn thu; đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời theo quy định của pháp luật; đồng thời, tích cực giải quyết các vướng mắc trong lĩnh vực thuế để tạo điều kiện giúp các cơ sở sản xuất, kinh doanh đẩy mạnh hoạt động và thực hiện tốt nghĩa vụ thuế. Thường xuyên rà soát, phân loại các khoản nợ thuế, thực hiện các thủ tục xử lý nợ theo quy định của Luật Quản lý thuế, giải quyết các khoản nợ chờ xử lý, tăng cường các biện pháp chống thất thu ngân sách, đảm bảo công bằng về nghĩa vụ thuế, tạo môi trường lành mạnh trong sản xuất kinh doanh.

7. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện đẩy mạnh thực hiện các giải pháp giải quyết việc làm, tạo việc làm mới cho người lao động. Tăng cường công tác rà soát tình hình lao động mất việc, thiếu việc làm; phối hợp mở rộng hoạt động hướng nghiệp, tăng cường các buổi giới thiệu việc làm gắn kết với doanh nghiệp tại từng xã, thị trấn. Phối hợp với Ngân hàng chính sách xã hội huyện để người nghèo tiếp cận được với các dịch vụ tài chính. Tăng cường đào tạo nghề cho người lao động với đào tạo kỹ năng mềm để tăng cơ hội xin việc làm, đạt được mục tiêu giảm nghèo bền vững.

8. Phòng Y tế huyện, Bệnh viện huyện, Trung tâm Y tế Dự phòng huyện đảm bảo công tác an toàn vệ sinh thực phẩm, tăng cường phát triển và duy trì các chuỗi thực phẩm an toàn, phối hợp chặt chẽ các địa phương, đơn vị để duy trì và đa dạng hóa nguồn cung thực phẩm cho huyện; tăng cường giáo dục y đức trong đội ngũ để nâng cao chỉ số hài lòng trong khám và điều trị bệnh nhân; đẩy mạnh công tác tiêm chủng và phòng, chống dịch bệnh.

9. Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện tiếp tục tiến hành kế hoạch xây dựng trường, lớp đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ cho năm học 2014 - 2015; tăng cường quản lý việc dạy thêm, học thêm và quản lý các khoản thu, chi trong nhà trường đúng quy định; xử lý kiên quyết những trường hợp vi phạm trong dạy thêm, học thêm, lạm thu dưới mọi hình thức của các cơ sở giáo dục. Tăng cường giáo dục truyền thống, lòng yêu nước, bản sắc văn hóa dân tộc và các hoạt động phát triển trong học sinh.

10. Công an huyện:

- Tập trung tấn công, trấn áp tội phạm theo tuyến, chuyên đề, nhất là các địa bàn giáp ranh, khu vực trọng điểm; triệt phá các băng, nhóm tội phạm chuyên nghiệp, tội phạm ma túy, tội phạm sử dụng công nghệ cao; tăng cường công tác bảo vệ an ninh chính trị nội bộ; triển khai giải pháp ngăn chặn các thế lực xấu sử dụng thiết bị hiện đại để theo dõi, nghe lén, đánh cắp thông tin bí mật; theo dõi sát tình hình biển Đông,

tăng cường lực lượng xuống cơ sở, tập trung nắm tình hình, phát hiện kịp thời các vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự để chủ động có kế hoạch xử lý, giải quyết dứt điểm, không để bị động, bất ngờ; tổ chức tuần tra, kiểm soát, bảo đảm trật tự an toàn giao thông tại các địa bàn và các tuyến đường trọng điểm; kéo giảm tai nạn giao thông cả 3 mặt, xử lý nghiêm xe quá tải.

- Phối hợp Ban chỉ huy Quân sự huyện nghiên cứu, bổ sung các phương án diễn tập phòng, chống biểu tình, bạo loạn sát thực tế tình hình; bảo đảm an toàn tuyệt đối địa bàn, nhất là các địa điểm trọng yếu trong các ngày cao điểm, sự kiện chính trị, lễ hội.

11. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện tham mưu cho UBND huyện phát động phong trào thi đua yêu nước, thi đua hoàn thành vượt mức kế hoạch phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội năm 2014; kịp thời phát hiện những mô hình hay, cách làm sáng tạo, hiệu quả để biểu dương nhân rộng.

Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị huyện, UBND các xã, thị trấn phát huy tinh thần năng động, sáng tạo, nêu cao trách nhiệm người đứng đầu trong công tác điều hành thực hiện nhiệm vụ chung và chuyên môn; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, giải quyết trực tiếp và kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội tại cơ sở, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trên mọi lĩnh vực đời sống chính trị - xã hội của huyện, thực hiện hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội, ngân sách năm 2014, tạo thế và lực mới cho năm 2015./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Minh Tấn**



## PHẦN VĂN BẢN KHÁC

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3811/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 8 năm 2014*

### QUYẾT ĐỊNH

**Về việc đính chính Quyết định số 13/2014/QĐ-UBND  
ngày 27 tháng 3 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố**

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 20/2010/TT-BTP ngày 30 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Công văn số 9592/SLĐT BXH-PC ngày 10 tháng 7 năm 2014 và ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 3285/STP-KTrVB ngày 20 tháng 6 năm 2014,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Nay đính chính Quyết định số 13/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về điều chỉnh một số chế độ, chính sách hỗ trợ

cho đối tượng người cai nghiện ma túy, người sau cai nghiện, bệnh nhân Bệnh viện Nhân Ái, đối tượng bảo trợ xã hội và trại viên Khu điều trị phong Bến Sắn do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Y tế và Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố quản lý, như sau:

Tại phần viện dẫn cơ sở pháp lý ban hành Quyết định đã viết là: “Căn cứ Nghị định số 43/2005/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2005 của Chính phủ quy định việc đưa người nghiện ma túy, người bán dâm không có nơi cư trú nhất định vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh”.

Nay sửa lại là: “Căn cứ Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và là một phần không tách rời của Quyết định số 13/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố. Các nội dung khác của Quyết định số 13/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2014 giữ nguyên, không thay đổi.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Y tế, Chi huy trưởng Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hứa Ngọc Thuận**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3845/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2014*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về phê duyệt “Chương trình xây dựng Hệ thống thông tin  
quản lý xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2014 - 2020”**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống chỉ tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 17/2010/TT-BTNMT ngày 04 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về chuẩn dữ liệu địa chính;

Căn cứ Thông tư số 11/2010/TT-BXD ngày 17 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị;

Căn cứ Thông tư số 05/2012/TT-BXD ngày 10 tháng 10 năm 2012 của Bộ Xây dựng về ban hành hệ thống chỉ tiêu ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2012/TT-BXD ngày 10 tháng 10 năm 2012 của Bộ Xây dựng về quy định chế độ báo cáo thống kê tổng hợp ngành xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 6233/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành mô hình hệ thống thông tin đất đai - xây dựng tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 5852/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban

nhân dân Thành phố về phê duyệt Chương trình xây dựng hệ thống thông tin chuyên ngành;

Xét đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 8/TTr-STTTT ngày 21 tháng 5 năm 2014 về phê duyệt “Chương trình xây dựng Hệ thống thông tin quản lý xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2014 - 2020”,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Chương trình xây dựng Hệ thống thông tin quản lý xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2014 - 2020”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã - thị trấn, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Mạnh Hà**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **CHƯƠNG TRÌNH**

**Xây dựng Hệ thống thông tin quản lý  
xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2014 - 2020**  
*(Ban hành kèm Quyết định số 3845/QĐ-UBND  
ngày 08 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

### **I. MỤC TIÊU**

#### **1. Mục tiêu chung**

- Xây dựng hệ thống thông tin về quản lý xây dựng đô thị trên cơ sở số hóa dữ liệu ngành do Sở Xây dựng quản lý, tích hợp hệ thống thông tin đã và tạo lập liên quan đến lĩnh vực quản lý đô thị (đất đai - xây dựng, quy hoạch, tài nguyên - môi trường, giao thông vận tải, bưu chính viễn thông...) phục vụ phát triển đô thị của Thành phố.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực quản lý xây dựng trên địa bàn thành phố, hiện đại hóa hệ thống thông tin và tự động hóa thao tác nghiệp vụ, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong ngành xây dựng.

- Tạo lập cơ sở dữ liệu quản lý xây dựng đô thị tập trung toàn thành phố trên nền tảng Hệ thống thông tin địa lý (GIS), đảm bảo sự thông suốt trong tích hợp, liên kết, chia sẻ và cung cấp đầy đủ thông tin trực tuyến, góp phần thực hiện cải cách hành chính và công khai minh bạch thủ tục hành chính.

- Bảo đảm kỹ thuật và công nghệ về hạ tầng công nghệ thông tin, đảm bảo an toàn hệ thống dữ liệu điện tử để triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý chuyên môn của Sở Xây dựng và kết nối hệ thống thông tin thành phố.

#### **2. Mục tiêu cụ thể**

a) Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý Nhà nước trong lĩnh vực quản lý đô thị.

- Xây dựng giải pháp tổng thể thống nhất kết nối các hệ thống thông tin trong lĩnh vực quản lý đô thị, gắn kết hệ thống thông tin đất đai - xây dựng, quy hoạch, giao thông, hạ tầng kỹ thuật với hệ thống công trình.

- Triển khai ISO điện tử hỗ trợ quy trình thủ tục và công tác quản lý xử lý hồ sơ trong lĩnh vực xây dựng được minh bạch và đơn giản hóa; thông tin hồ sơ ngành xây dựng được pháp lý hóa dưới dạng điện tử thay thế hồ sơ trên giấy thuộc 3 cấp quản lý đô thị.

- Nâng cấp hệ thống thông tin tại Trung tâm Thông tin và dịch vụ xây dựng có khả năng lưu trữ cơ sở dữ liệu của Sở Xây dựng và tích hợp hệ thống thông tin về quản lý đô thị.

- Trang bị hệ thống mạng LAN, đường truyền số liệu chuyên dùng và các thiết bị phục vụ cho việc kết nối với Hệ thống thông tin ngành xây dựng toàn thành phố tại tất cả các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở Xây dựng.

- Ứng dụng công nghệ GIS và các phần mềm chuyên dụng hỗ trợ công tác chuyên môn, qua đó, hỗ trợ thiết lập cơ sở dữ liệu tự động trong quá trình thao tác nghiệp vụ.

#### b) Xây dựng Hệ thống thông tin quản lý xây dựng.

- Xây dựng quy chế quản lý hệ thống thông tin làm cơ sở pháp lý cho việc thiết lập, cập nhật, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu trong Hệ thống thông tin tổng thể ngành xây dựng thành phố.

- Thiết lập cơ sở dữ liệu ngành xây dựng trong lĩnh vực nhà ở và công trình, dự án đầu tư xây dựng, năng lực hoạt động xây dựng, các cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng.

- Triển khai thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng.

- Cung cấp công cụ giao tiếp trực tuyến giữa cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp, nhà đầu tư và người dân, tạo kênh thông tin đa phương tiện hỗ trợ cung cấp thông tin và tổng hợp số liệu báo cáo của đơn vị.

- Hệ thống thông tin xây dựng được xây dựng, cập nhật, khai thác và sử dụng theo đúng quy chế quản lý dữ liệu ngành xây dựng.

### **3. Các chỉ tiêu cần đạt**

- 100% các văn bản phát hành, tài liệu chính thức trao đổi giữa Sở Xây dựng với

các cơ quan nhà nước được lưu trữ hoàn toàn dưới dạng điện tử, có sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số và xác thực quốc gia.

- 100% hồ sơ lưu trữ tại Sở Xây dựng được hệ thống, chuẩn hóa, số hóa và cập nhật thường xuyên theo đúng quy trình, quy phạm, quy chuẩn, tiêu chuẩn, kỹ thuật về cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

- 100% hồ sơ nhà ở trên địa bàn thành phố được tiến hành thu thập, điều tra, khảo sát, đo đạc và số hóa cơ sở dữ liệu về nhà ở trên địa bàn Thành phố.

- 100% các thông tin trong lĩnh vực nhà đất, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật và công trình xây dựng phải được quản lý, tích hợp, chia sẻ và thường xuyên cập nhật tình trạng thông qua Hệ thống thông tin quản lý đô thị Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định.

## **II. NỘI DUNG THỰC HIỆN**

### **1. Xây dựng kiến trúc tổng thể ứng dụng công nghệ thông tin ngành xây dựng**

#### **a) Nội dung thực hiện**

- Xây dựng kiến trúc tổng thể ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành xây dựng: kiến trúc hạ tầng công nghệ thông tin, kiến trúc ứng dụng, kiến trúc thông tin, kiến trúc bảo mật, các chuẩn kết nối và tiêu chí cho việc liên thông kết nối và tích hợp.

- Trên cơ sở một hệ thống phân cấp nhiệm vụ và quyền hạn phù hợp với chức năng quản lý nhà nước của từng cấp đơn vị quản lý, xây dựng mô hình giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin tổng thể về quản lý xây dựng và phát triển đô thị; thông tin hồ sơ nhà đất gắn liền với định hướng quy hoạch và hoạt động đầu tư xây dựng, hồ sơ hạ tầng kỹ thuật và xây dựng đô thị được chia sẻ giữa các cơ quan chuyên môn quản lý; triển khai ISO điện tử giúp thủ tục luân chuyển điều hành xử lý hồ sơ được minh bạch và đơn giản hóa; thông tin hồ sơ quản lý được pháp lý hóa dưới dạng điện tử thay thế hồ sơ trên giấy tại các cơ sở dữ liệu phân tán thuộc 3 cấp quản lý.

#### **b) Tổ chức thực hiện**

- Cơ quan chủ trì: Sở Xây dựng;

- Cơ quan phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân 24 quận, huyện và các đơn vị có liên quan.

#### **c) Thời gian thực hiện: Năm 2014 - 2015**

## **2. Xây dựng quy chế vận hành và khai thác Hệ thống thông tin xây dựng và phát triển đô thị toàn thành phố**

### a) Nội dung thực hiện

- Xây dựng quy chế quản lý hệ thống thông tin đô thị thành phố tạo hành lang pháp lý đảm bảo vận hành và khai thác các hệ thống thông tin quản lý xây dựng và phát triển đô thị Thành phố.

- Xây dựng quy chế thiết lập cơ sở dữ liệu ngành xây dựng: xây dựng tiêu chí, biểu mẫu thống kê và lưu trữ dữ liệu ngành xây dựng.

### b) Tổ chức thực hiện

- Cơ quan chủ trì: Sở Xây dựng;

- Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương, Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Quý III năm 2014.

## **3. Xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin ngành xây dựng**

### a) Nội dung thực hiện

Xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ triển khai các hệ thống thông tin quản lý xây dựng tại Thành phố, bao gồm:

- Hoàn chỉnh hạ tầng công nghệ thông tin tại Sở Xây dựng. Xây dựng công cụ giao tiếp trực tuyến giữa Sở Xây dựng, Trung tâm Thông tin và Dịch vụ xây dựng với cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người dân.

- Đầu tư trang thiết bị tại các phòng ban, đơn vị quản lý nhà nước trong lĩnh vực xây dựng tại 24 quận - huyện theo mô hình chung của Thành phố.

- Nâng cấp, trang bị mới một số máy trạm tại Sở Xây dựng, Trung tâm Thông tin và Dịch vụ (bộ phận lưu trữ hồ sơ), Ủy ban nhân dân quận - huyện (Phòng Quản lý đô thị) để đảm bảo tất cả các cơ quan chuyên môn được trang bị đầy đủ hạ tầng phục vụ cho công tác quản lý và điều hành và đảm bảo cấu hình vận hành phần mềm ứng dụng.

### b) Tổ chức thực hiện

- Cơ quan chủ trì: Sở Xây dựng;

- Cơ quan phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện và các đơn vị có liên quan.



c) Thời gian thực hiện: Năm 2014 - 2015.

#### **4. Nâng cấp năng lực lưu trữ của Trung tâm Thông tin và Dịch vụ xây dựng**

a) Nội dung thực hiện

Triển khai trung tâm dữ liệu về xây dựng phát triển đô thị tại trên cơ sở kết hợp giữa nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin tại Trung tâm Thông tin và Dịch vụ xây dựng và triển khai các giải pháp lưu trữ dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu Thành phố (DataCenter) để đảm nhận lưu trữ tập trung toàn bộ các thông tin, dữ liệu từ hệ thống thông tin xây dựng và các thông tin liên thông, tích hợp với các hệ thống thông tin xây dựng của các tỉnh/thành phố khác.

- Triển khai các giải pháp phục vụ công tác thiết lập dữ liệu, xử lý, phân tích, truy xuất và lưu trữ thông tin, dữ liệu tập trung tại Trung tâm dữ liệu của thành phố để tích hợp và truy xuất dữ liệu phục vụ công tác quản lý ngành của Sở Xây dựng.

- Triển khai phần mềm lõi và phần mềm ứng dụng phục vụ việc số hóa hồ sơ trên nền hệ thống thông tin địa lý (GIS) và quản lý hồ sơ lưu trữ tại Trung tâm Thông tin và Dịch vụ xây dựng.

b) Tổ chức thực hiện

- Cơ quan chủ trì: Sở Xây dựng;

- Cơ quan phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2014 - 2020.

#### **5. Xây dựng cơ sở dữ liệu và các hệ thống thông tin quản lý chuyên ngành xây dựng**

Tạo lập dữ liệu số hóa trên nền hệ thống thông tin địa lý (GIS) về quản lý chuyên ngành xây dựng và phát triển đô thị; triển khai các giải pháp xây dựng các Hệ thống thông tin chuyên ngành xây dựng đảm bảo tính liên thông kết nối giữa các cơ quan đơn vị nhà nước trong lĩnh vực quản lý xây dựng và tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật liên quan.

- Danh mục các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (Phụ lục đính kèm);

- Hệ thống thông tin chuyên ngành xây dựng phải tích hợp và liên thông với các hệ thống thông tin chuyên ngành thuộc Hệ thống thông tin quản lý đô thị trên nền hệ thống thông tin địa lý (GIS), cụ thể:

+ Hệ thống thông tin quản lý quy hoạch;

- + Tài nguyên - môi trường;
- + Bru chính viễn thông;
- + Giao thông vận tải;
- + Quản lý về biến đổi khí hậu;
- + Các hệ thống thông tin quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị.

a) Nội dung thực hiện

- Xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung trên nền hệ thống thông tin địa lý (GIS) cùng các giải pháp phần mềm ứng dụng hình thành nên Hệ thống thông tin nhà ở và công trình xây dựng, bao gồm các phân hệ:

- + Hệ thống thông tin quản lý nhà ở (riêng lẻ, biệt thự, chung cư);
- + Quản lý nhà sở hữu nhà nước (công sở, công vụ);
- + Nhà ở xã hội;
- + Nhà ở có yếu tố nước ngoài;
- + Quản lý nhà ở tái định cư;
- + Quản lý nhà cao tầng;
- + Quản lý các công trình xây dựng theo loại và cấp công trình;
- + Quản lý dự án phát triển nhà ở.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung trên nền thông tin địa lý (GIS) cùng các giải pháp phần mềm ứng dụng hình thành nên Hệ thống thông tin quản lý đầu tư xây dựng, bao gồm các phân hệ:

- + Quản lý cấp phép xây dựng nhà ở riêng lẻ;
- + Quản lý cấp phép xây dựng công trình;
- + Quản lý cấp phép xây dựng công trình ngầm;
- + Quản lý cấp phép xây dựng trạm BTS (tại các quận - huyện);
- + Quản lý cấp phép sử dụng vỉa hè, lòng đường;
- + Chấp thuận đầu tư dự án xây dựng;
- + Quản lý thẩm định thiết kế cơ sở, thẩm tra thiết kế dự án xây dựng công trình;
- + Quản lý đấu thầu dự án vốn ngân sách;

- + Chứng chỉ hành nghề;
- + Quản lý năng lực hoạt động doanh nghiệp ngành xây dựng;
- + Quản lý cấp phép/chứng chỉ quy hoạch.

- Xây dựng các cơ sở dữ liệu tập trung trên nền hệ thống thông tin địa lý (GIS) cùng các giải pháp phần mềm ứng dụng hình thành nên Hệ thống thông tin quản lý xây dựng và phát triển đô thị, bao gồm các phân hệ:

- + Quản lý dự án xây dựng công trình;
- + Quản lý khu vực phát triển đô thị;
- + Quản lý quỹ nhà, đất dành cho nhà ở tái định cư;
- + Quản lý quỹ nhà, đất dành cho nhà ở xã hội;
- + Quản lý các chỉ tiêu phát triển và nâng cấp đô thị;
- + Quản lý chất lượng công trình xây dựng (bảo trì, nghiệm thu công trình);
- + Quản lý vi phạm xây dựng;
- + Quản lý công tác xử lý khiếu nại, tố cáo;
- + Quản lý sổ nhà;
- + Quản lý di dời công trình xây dựng.

- Xây dựng các cơ sở dữ liệu tập trung trên nền hệ thống thông tin địa lý (GIS) cùng các giải pháp phần mềm ứng dụng hình thành nên Hệ thống thông tin quản lý giao dịch bất động sản, bao gồm các phân hệ:

+ Hệ thống quản lý chuyển nhượng dự án khu đô thị mới, khu nhà ở, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp;

+ Hệ thống quản lý giao dịch mua bán nhà ở qua sàn/ không qua sàn;

- Xây dựng các cơ sở dữ liệu tập trung trên nền hệ thống thông tin địa lý (GIS) cùng các giải pháp phần mềm ứng dụng hình thành nên Hệ thống thông tin quản lý vật liệu xây dựng, bao gồm các phân hệ:

- + Quản lý hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng;
- + Quản lý hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng;
- + Quản lý chứng nhận hợp quy;
- + Quản lý biến động tiêu thụ và giá vật liệu;

+ Quản lý quy hoạch vật liệu xây dựng.

- Xây dựng các cơ sở dữ liệu tập trung cho nền hệ thống thông tin địa lý (GIS) cùng các giải pháp phần mềm ứng dụng hình thành nên Hệ thống thông tin quản lý năng lực hành nghề, bao gồm các phân hệ:

+ Hệ thống quản lý cá nhân hành nghề ngành xây dựng;

+ Hệ thống quản lý tổ chức, doanh nghiệp hoạt động lĩnh vực xây dựng;

+ Hệ thống quản lý các cơ sở đào tạo chuyên ngành xây dựng.

- Xây dựng các cơ sở dữ liệu tập trung cho nền hệ thống thông tin địa lý (GIS) cho cùng các giải pháp phần mềm ứng dụng hình thành các hệ thống thông tin thành phần về quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị:

+ Hệ thống thông tin về hạ tầng cấp điện;

+ Hệ thống thông tin về hạ tầng đô thị cấp nước;

+ Hệ thống thông tin hạ tầng kỹ thuật công trình ngầm;

Các Hệ thống thông tin quản lý về hạ tầng bưu chính viễn thông và thoát nước sẽ được xây dựng trong các chương trình về ứng dụng GIS về quản lý hạ tầng bưu chính viễn thông và công tác chống ngập.

b) Tổ chức thực hiện

- Cơ quan chủ trì: Sở Xây dựng;

- Cơ quan phối hợp: Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải, Sở Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện, Trung tâm Điều hành Chương trình chống ngập nước Thành phố, Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm, Ban Quản lý Khu Nam, Ban Quản lý Khu Đô thị Tây Bắc và các đơn vị có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2014 - 2020.

**6. Xây dựng hệ thống thông tin thành phần theo chức năng phân cấp tại Ủy ban nhân dân quận - huyện tập trung trên hệ thống thông tin địa lý (GIS)**

a) Nội dung thực hiện

Hệ thống thông tin chuyên ngành xây dựng tại cấp quận - huyện bao gồm các cơ sở dữ liệu và phân hệ như đã nêu trên:

- Hệ thống quản lý nhà và công trình xây dựng;

- Quản lý đầu tư xây dựng;
- Quản lý xây dựng và phát triển đô thị;
- Quản lý vật liệu xây dựng;
- Quản lý giao dịch bất động sản.

Các Hệ thống thông tin trên được triển khai tại Phòng Quản lý đô thị, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Công Thương thuộc Ủy ban nhân dân 24 quận, huyện trên địa bàn thành phố theo các lĩnh vực thuộc ngành xây dựng quản lý.

b) Tổ chức thực hiện

- Cơ quan chủ trì: Sở Xây dựng;
- Cơ quan phối hợp: Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân 24 quận, huyện và các đơn vị có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2014 - 2016.

## **7. Xây dựng dịch vụ tích hợp và cung cấp thông tin xây dựng trực tuyến**

a) Nội dung thực hiện

- Xây dựng các dịch vụ xử lý và cung cấp thông tin trên nền hệ thống thông tin địa lý (GIS) liên quan lĩnh vực xây dựng toàn thành phố, chuẩn hóa công cụ và môi trường biên tập xử lý dữ liệu không gian - địa lý, thống nhất sử dụng trong các phần mềm lõi của hệ thống thông tin đất đai - xây dựng và các phần mềm quản lý nghiệp vụ chuyên ngành, phần mềm hỗ trợ phân tích và tạo lập mô hình GIS 3D.

- Triển khai Hệ thống phân tích và tổng hợp thông tin quản lý đô thị ngành xây dựng trên cơ sở tích hợp cơ sở dữ liệu quản lý xây dựng của quận huyện, Sở Xây dựng và các đơn vị có liên quan, triển khai các giải pháp phân tích, tổng hợp thông tin, lập cáo báo hỗ trợ lãnh đạo ra quyết định.

- Xây dựng công dịch vụ tích hợp và cung cấp thông tin:

+ Công dịch vụ tích hợp thông tin quản lý đô thị chuyên ngành xây dựng từ các hệ thống thông tin thành phần tại Sở ngành và 24 quận - huyện gồm hệ thống thông tin đất đai - xây dựng, hệ thống thông tin quy hoạch, hệ thống thông tin môi trường, hệ thống thông tin biến đổi khí hậu, hệ thống thông tin giao thông vận tải để hình thành các bộ dữ liệu đất đai, quy hoạch, công trình xây dựng phục vụ công tác nghiên cứu phát triển đô thị.

+ Hợp phần Cổng dịch vụ tích hợp và cung cấp thông tin qua các điểm truy cập: cung cấp thông tin liên quan đến công tác quản lý xây dựng và phát triển đô thị, cung cấp nhiều hình thức truy vấn thông tin qua môi trường web, SMS, tổng đài trả lời (Call Center)...

- Triển khai Hệ thống thông tin quản lý ngành xây dựng cấp xã phường có chức năng cung cấp hệ thống tra cứu cho cán bộ địa chính cấp xã phường quản lý và xác nhận nguồn gốc, tình hình xây dựng thực tế nhằm hỗ trợ công tác quản lý xây dựng tại địa phương.

b) Tổ chức thực hiện

- Cơ quan chủ trì: Sở Xây dựng;

- Cơ quan phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Quy hoạch - Kiến trúc; Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân 24 quận, huyện và các đơn vị có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2015 - 2020.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo Chương trình ứng dụng và Phát triển Công nghệ thông tin Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện Chương trình xây dựng Hệ thống thông tin quản lý xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2014 - 2020.

2. Sở Xây dựng có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện chương trình, theo dõi cập nhật, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố định kỳ 6 tháng và tổ chức sơ kết hàng năm thực hiện Chương trình để rút kinh nghiệm thực tiễn trong quá trình thực hiện.

3. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch triển khai và đề xuất kinh phí thực hiện chương trình; tổ chức cung cấp thông tin; theo dõi, kiểm tra việc thực hiện chương trình; đề xuất các cơ chế chính sách cần thiết để thúc đẩy thực hiện Chương trình và hướng dẫn Sở Xây dựng và các đơn vị tham gia chương trình thực hiện đúng quy trình thủ tục đầu tư các dự án thành phần chuyên ngành công nghệ thông tin - truyền thông.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính có trách nhiệm phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan tham mưu, bố trí kinh phí kịp thời để triển khai thực hiện Chương trình xây dựng Hệ thống thông tin quản lý xây dựng Thành

---

phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2014 - 2020 theo đúng chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố.

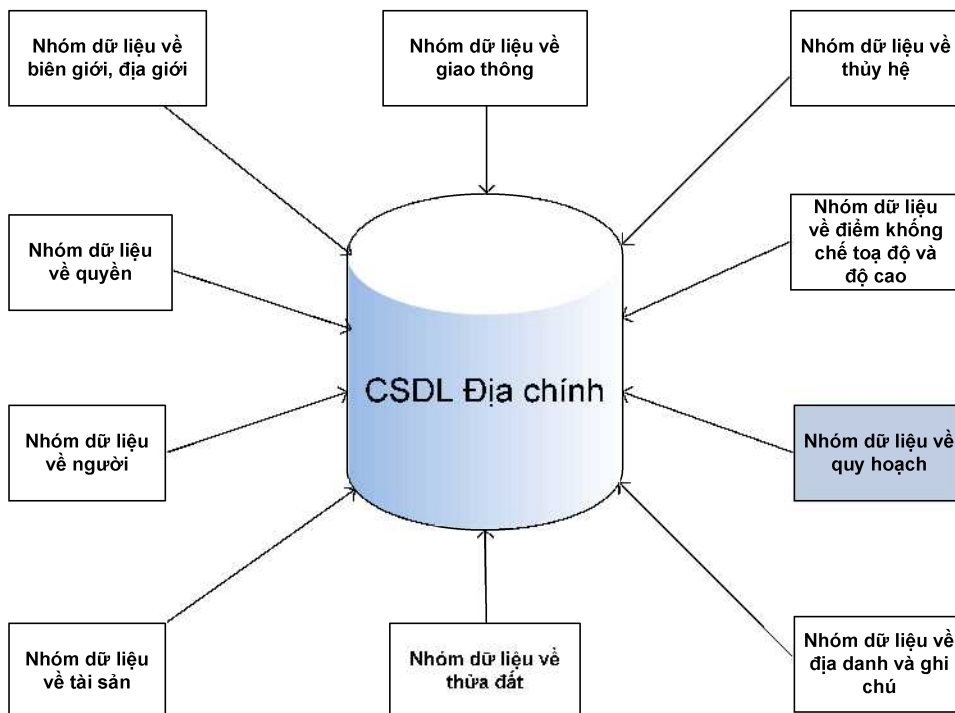
5. Các sở ban - ngành, Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện và các đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp xây dựng và triển khai thực hiện các nội dung thuộc Chương trình./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

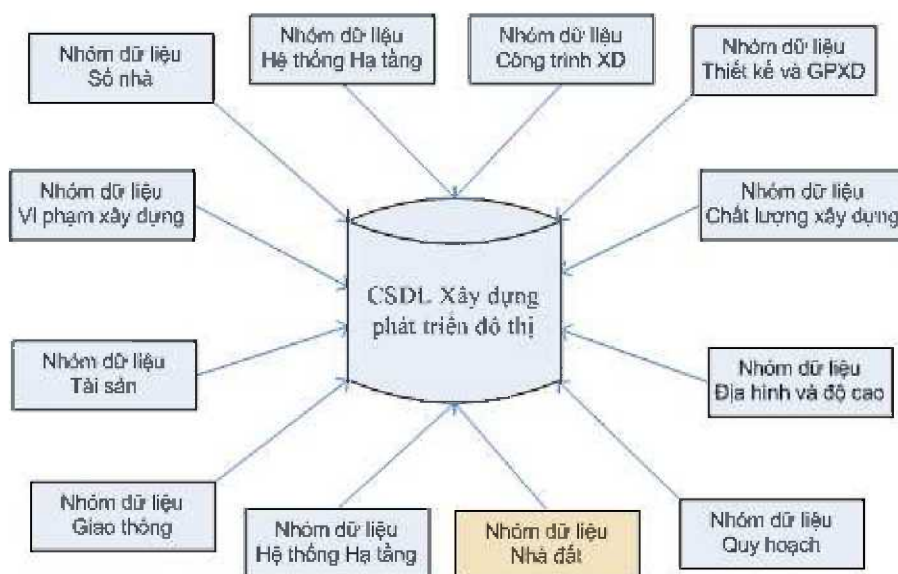
**Phụ lục**  
**CÁC QUY CHUẨN KỸ THUẬT CHO HỆ THỐNG THÔNG TIN**  
**QUẢN LÝ XÂY DỰNG**

(Ban hành kèm Quyết định số 3845/QĐ-UBND  
 ngày 08 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố)

**I. Chuẩn cơ sở dữ liệu địa chính**



**II. Khung cơ sở dữ liệu quản lý xây dựng phát triển đô thị**





**III. Khung lớp dữ liệu GIS về quản lý đô thị**

STT	Nhóm lớp dữ liệu chuyên đề đa tỷ lệ	Lĩnh vực	Ghi chú
1	GIS nền địa hình	GIS nền cơ sở	Đã thực hiện, cần liên thông, kết nối và tích hợp dữ liệu
2	Ảnh vệ tinh, viễn thám, raster		
3	Mô hình số độ cao DEM, đường đồng mức		
4	Dân cư		
5	Thực vật		
6	Lidar và mô hình dữ liệu 3D		
7	Bản đồ địa chính các thời kỳ	Tài nguyên đất	Đã thực hiện, cần liên thông, kết nối và tích hợp dữ liệu
8	GIS nền địa chính 2013		
9	Hiện trạng sử dụng đất		
	Bản đồ địa chính cơ sở, bản đồ hành chính		
10	Kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất		
11	Khung Giá đất		Thực hiện 2014
12	Nhà và công trình xây dựng	Tài nguyên nước	
13	Quy hoạch tài nguyên nước		
14	Khai thác, sử dụng tài nguyên nước		
15	Khu vực cấm khai thác		
16	Nguồn nước ô nhiễm, nước thải...	Tài nguyên khoáng sản	
17	Quy hoạch tài nguyên khoáng sản		
18	Khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản		
19	Khu vực cấm khai thác	Môi trường	
20	Hiện trạng môi trường: vùng ô nhiễm, suy thoái...		
21	Quan trắc môi trường		
22	Xử lý chất thải	Điều kiện tự nhiên và biến đổi khí hậu	
23	Điều kiện tự nhiên: địa chất, khí hậu...		
24	Địa chất thủy văn, mực nước		

STT	Nhóm lớp dữ liệu chuyên đề đa tỷ lệ	Lĩnh vực	Ghi chú
25	Bản đồ địa chất thổ nhưỡng		
26	Vùng ảnh hưởng biến đổi khí hậu		
27	Hiện trạng úng lụt, triều cường		
28	Biến đổi điều kiện thủy văn		
29	Quy hoạch vùng biển, đảo	Biển, đảo	
30	Vùng khai thác tài nguyên biển, đảo		
31	Vùng cấm khai thác		
32	Vùng ô nhiễm, suy thoái		
33	Đồ án quy hoạch chung	GIS quy hoạch đô thị	Thực hiện 2014
34	Quy hoạch phân khu		
35	Quy hoạch bảo tồn		<p>Các kho dữ liệu chuyên ngành cần liên thông kết nối thực hiện từ 2014 - 2016</p> <p>Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải, Sở Cảnh sát Phòng cháy Chữa cháy và UBND quận/huyện quản lý và cập nhật điều chỉnh quy hoạch</p>
36	Quy hoạch sử dụng đất		
37	Quy hoạch nhà cao tầng		
38	Quy hoạch cảnh quan		
39	Quy hoạch chi tiết xây dựng 1/2000; 1/500		
40	Quy hoạch phân lô đất		
41	Quy hoạch mảng xanh		
42	Quy hoạch tầng cao		
43	Quy hoạch cây xanh		
44	Quy hoạch hạ tầng viễn thông		
45	Quy hoạch cấp nước		
46	Quy hoạch thoát nước		
47	Quy hoạch hệ thống điện		
48	Quy hoạch Phòng cháy chữa cháy		
49	Quy hoạch chiếu sáng		
50	Quy hoạch xử lý chất thải		
51	Quy hoạch đỗ xe		
52	Quy hoạch giao thông		

STT	Nhóm lớp dữ liệu chuyên đề đa tỷ lệ	Lĩnh vực	Ghi chú
53	Quy hoạch tuyến giao thông và kết nối giao thông		
	Quy hoạch công trình ngầm		
54	Quy hoạch công trình giao thông		
55	Chỉ tiêu quy hoạch xây dựng hạ tầng đô thị		
56	Quy hoạch khu vực thương mại, tuyến phố kinh doanh		
57	Quy định xây dựng do UBND quận - huyện ban hành		
58	...		
59	Địa chất công trình		
60	Khoảng lùi xây dựng		
61	Ranh cấp phép xây dựng nhà, công trình		
62	Cốt nền xây dựng		
63	Hiện trạng tầng cao		
64	Hiện trạng hạ tầng hệ thống cấp nước	Các kho dữ liệu chuyên ngành cần liên thông kết nối thực hiện từ 2014 - 2016 Sở Xây dựng và UBND quận/ huyện quản lý và cập nhật tình hình thực hiện dự án đầu tư	
65	Hiện trạng hạ tầng hệ thống thoát nước, trạm xử lý nước thải		
66	Hiện trạng úng lụt, triều cường		
67	Hiện trạng hạ tầng hệ thống điện		
68	Hiện trạng hạ tầng hệ thống cáp viễn thông		
69	Hiện trạng hạ tầng hệ thống thu phát sóng BTS		
70	Hiện trạng hạ tầng hệ thống đại lý Internet		
71	Hiện trạng hạ tầng hệ thống bưu cục, bưu điện, hòm thư		
72	Hiện trạng hạ tầng đường giao thông		

STT	Nhóm lớp dữ liệu chuyên đề đa tỷ lệ	Lĩnh vực	Ghi chú
73	Hiện trạng hạ tầng đô thị (công trình giao thông, nghĩa trang, các khu đô thị mới, khu dân cư, các công trình thương mại, dịch vụ (trung tâm TM, chợ...) VP, công trình xã hội (y tế, giáo dục, văn hóa...))		
74	Hiện trạng hạ tầng sự cố giao thông		
75	Hiện trạng hạ tầng công trình PCCC		
76	Hiện trạng hạ tầng hệ thống chiếu sáng		
77	Hiện trạng hạ tầng hệ thống cây xanh		
78	Hiện trạng hạ tầng hệ thống công viên, mảng xanh đô thị		
79	Hiện trạng hạ tầng hệ thống xử lý chất thải		
80	Hiện trạng hạ tầng hệ thống cống		
81	Hiện trạng hạ tầng tuyến phố kinh doanh		
83	Loại hình nhà ở: biệt thự, chung cư, nhà ở nền lẻ cấp 3 trở lên		
84	Nhà ở và công trình xây dựng		
85	Công trình xây dựng cao tầng		
86	Công trình ngầm		
87	Nhà sở hữu nhà nước		
88	Nhà ở tái định cư		
89	Nhà ở xã hội		
90	Quy hoạch vật liệu xây dựng		
91	Sản phẩm vật liệu xây dựng, doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh VLXD, giá VLXD	GIS Sản xuất VLXD	2015
92	GIS chỉ tiêu xây dựng phát triển đô thị		
93	GIS dự án đầu tư xây dựng		
94	Quy hoạch số nhà		
	GIS quỹ nhà đất tái định cư	GIS quản lý xây dựng và phát triển đô thị	2015 - 2016

STT	Nhóm lớp dữ liệu chuyên đề đa tỷ lệ	Lĩnh vực	Ghi chú
	GIS quỹ nhà đất danh cho nhà ở xã hội		
	GIS nâng cấp và chỉnh trang đô thị		
95	Quy hoạch khu vực đô thị, quy hoạch nâng cấp chỉnh trang đô thị, quy hoạch bảo tồn đô thị, quy hoạch phát triển đô thị		
96	Vùng đổ phế thải xây dựng		
97	Chất lượng công trình xây dựng phục vụ xử lý sự cố công trình XD, ứng cứu thảm họa (hồ sơ hoàn công, bảo trì công trì)		
98	Kiểm tra, kiểm định xây dựng, quản lý dự án đầu tư XD công trình, quy hoạch quỹ nhà tái định cư, quy hoạch nhà ở XH, GIS cấp và loại công trình XD		
	Giao dịch bất động sản	GIS giao dịch bất động sản	2014 - 2015
99	Nhà đất ngăn chặn, khiếu kiện GIS năng lực hoạt động XD GIS xác lập sở hữu nhà nước đối với công trình XD	GIS điều kiện pháp lý	2014 - 2015
100	Các lớp GIS chuyên ngành khác	Kết nối dữ liệu với các CSDL và HTTT chuyên ngành khác	2015 - 2016

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3967/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2014*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc đính chính Chỉ thị số 13/2014/CT-UBND  
ngày 25 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 20/2010/TT-BTP ngày 30 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 10997/TTr-SLĐTBXH-PCTNXH ngày 01 tháng 8 năm 2014 và ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 3888/STP-KTrVB ngày 21 tháng 7 năm 2014,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay đính chính Điều b, Khoản 6 Chỉ thị số 13/2014/CT-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tăng cường thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp phòng, chống mại dâm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, như sau:

“b) Đối với người nước ngoài có hành vi bán dâm, bán dâm cho nhiều người

cùng một lúc: ngoài việc bị xử phạt bằng hình thức cảnh cáo hoặc phạt tiền, tùy theo mức độ vi phạm có thể bị áp dụng hình thức xử phạt trục xuất khỏi nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.”

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các nội dung khác của Chỉ thị số 13/2014/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố vẫn giữ nguyên, không thay đổi.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Ngoại vụ, Giám đốc Công an Thành phố, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố, Thủ trưởng các Sở - ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hứa Ngọc Thuận**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3984/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2014*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về ủy quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,  
quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4572/TNMT-VPĐK ngày 01 tháng 7 năm 2014,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu cho tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao và đóng dấu của Sở Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm



2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ủy quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở - ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hữu Tín**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI****ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN CỬ CHI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 9023/QĐ-UBND

*Củ Chi, ngày 11 tháng 8 năm 2014***QUYẾT ĐỊNH**

**Về công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật  
kỳ đầu theo Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của  
Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2008/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2008 của Quốc Hội về thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thuộc trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2013/TT-BTP ngày 15/6/2013 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 75/2011/QĐ-UBND ngày 21/11/2011 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế về kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tư pháp huyện Củ Chi tại Tờ trình số 291/TTr-TP ngày 15 tháng 7 năm 2014,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ đầu (tính đến ngày 31/12/2013) của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi theo Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, bao gồm:

1. Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi thuộc đối tượng hệ thống hóa trong kỳ hệ thống hóa.

2. Danh mục văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi thuộc đối tượng hệ thống hóa trong kỳ hệ thống hóa.

3. Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi hết hiệu lực toàn bộ trong kỳ hệ thống hóa.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Thủ trưởng các phòng ban đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Lê Minh Tấn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN CỬ CHI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH MỤC**

**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI  
THUỘC ĐỐI TƯỢNG HỆ THỐNG HÓA TRONG KỲ HỆ THỐNG HÓA**

*(Kèm theo Quyết định số 9023/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi)*

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Thời điểm có hiệu lực	Ghi chú
<b>I. LĨNH VỰC TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ</b>					
1	Nghị quyết	Số 26/2006/NQ-HĐND	Nghị quyết về công nhận phân loại đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn	26/10/2006	
2	Quyết định	Số 1728/2006/QĐ-UBND	Về ban hành quy định chế độ họp trong hoạt động của UBND huyện Cử Chi.	11/12/2006	
3	Quyết định	Số 1578/2006/QĐ-UBND	Về phân bổ số lượng và bố trí các chức danh cán bộ chuyên trách xã, thị trấn.	01/01/2007	
4	Quyết định	Số 109/2007/QĐ-UBND	Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo phòng cháy và chữa cháy huyện Cử Chi.	27/09/2007	
5	Quyết định	Số 09/2008/QĐ-UBND	Về ban hành Quy chế công tác văn thư lưu trữ tại UBND huyện Cử Chi.	21/03/2008	
6	Quyết định	Số 17/2008/QĐ-UBND	Về ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ huy phòng chống lụt, bão, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của huyện Cử Chi.	10/06/2008	

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Thời điểm có hiệu lực	Ghi chú
7	Quyết định	Số 18/2008/QĐ-UBND	Về ban hành Quy chế phối hợp giải quyết bước đầu các vụ đình lãn công không đúng quy định của pháp luật trên địa bàn huyện Củ Chi.	20/06/2008	
8	Quyết định	Số 21/2008/QĐ-UBND	Về ban hành quy định tạm thời về tiêu chuẩn Tổ nhân dân và Tổ dân phố kiểu mẫu.	23/07/2008	
9	Quyết định	Số 22/2008/QĐ-UBND	Về ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng giáo dục quốc phòng - an ninh huyện Củ Chi.	25/08/2008	
10	Quyết định	Số 29/2008/QĐ-UBND	Về quy định tạm thời về quy định các tuyến đường kiểu mẫu.	24/10/2008	
11	Quyết định	Số 02/2009/QĐ-UBND	Về việc thành lập BCD thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn (TCVN) ISO 9001:2000 vào hoạt động quản lý nhà nước tại UBND huyện Củ Chi.	16/01/2009	
12	Quyết định	Số 05/2009/QĐ-UBND	Về ban hành Quy chế hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Củ Chi.	09/3/2009	
13	Quyết định	Số 07/2009/QĐ-UBND	Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo phòng không nhân dân huyện Củ Chi.	13/05/2009	
14	Quyết định	Số 09/2009/QĐ-UBND	Về việc ban hành Quy chế phối hợp công tác giữa thường trực UBND huyện và Ban thường trực UBMTTQ Việt Nam huyện Củ Chi.	22/05/2009	
15	Quyết định	Số 01/2010/QĐ-UBND	Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng UBND huyện Củ Chi.	20/04/2010	
16	Quyết định	Số 02/2010/QĐ-UBND	Về ban hành Quy chế làm việc của UBND huyện Củ Chi.	23/04/2010	
17	Quyết định	Số 03/2010/QĐ-UBND	Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra huyện Củ Chi.	13/05/2010	

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Thời điểm có hiệu lực	Ghi chú
18	Quyết định	Số 05/2010/QĐ-UBND	Về việc tổ chức làm việc buổi sáng ngày thứ bảy hàng tuần để tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tại UBND huyện và UBND 21 xã, thị trấn.	18/06/2010	
19	Quyết định	Số 07/2010/QĐ-UBND	Về việc điều chuyển đầu công việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TVN ISO 9001:2008 của Phòng Công thương sang phòng Quản lý đô thị theo quyết định số 04/2010/QĐ-UBND ngày 11/5/2010 của UBND huyện Củ Chi	25/11/2010	
20	Quyết định	Số: 02/2011/QĐ-UBND	Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Văn hóa - Thông tin huyện Củ Chi	23/05/2011	
21	Quyết định	Số:03/2011/QĐ-UBND	Về ban hành Quy chế công tác văn thư lưu trữ cơ quan của UBND huyện Củ Chi	12/06/2011	
22	Quyết định	Số:04/2011/QĐ-UBND	Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Củ Chi	29/07/2011	
23	Quyết định	Số:05/2011/QĐ-UBND	Về ban hành Quy chế và tổ chức hoạt động của Phòng Kinh tế huyện Củ Chi	03/08/2011	
24	Quyết định	Số:06/2011/QĐ-UBND	Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện Củ Chi	08/08/2011	
25	Quyết định	Số:07/2011/QĐ-UBND	Về phân công quản lý nhà nước đối với các tổ chức Hội trên địa bàn huyện Củ Chi	15/09/2011	
26	Quyết định	Số:08/2011/QĐ-UBND	Về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trung tâm văn hóa huyện Củ Chi	05/10/2011	
27	Quyết định	Số 10/2011/QĐ-UBND	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Giáo dục - Đào tạo huyện Củ Chi.	28/11/2011	

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Thời điểm có hiệu lực	Ghi chú
28	Quyết định	Số 15/2011/QĐ-UBND	Ban hành quy định về công tác thi đua khen thưởng tại huyện Củ Chi	16/12/2011	
29	Quyết định	Số 03/2012/QĐ-UBND	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm kỹ thuật tổng hợp, hướng nghiệp huyện Củ Chi.	26/04/2012	
30	Chỉ thị	Số 03/2012/CT-UBND	V/v xây dựng Ban chỉ huy quân sự xã, thị trấn vững mạnh toàn diện giai đoạn 2011-2015	14/06/2012	
31	Quyết định	Số 04/2012/QĐ-UBND	Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Y tế huyện Củ Chi.	26/11/2012	
32	Quyết định	Số 05/2012/QĐ-UBND	Về ban hành Quy chế văn hóa công sở tại Ủy ban nhân dân huyện và Ủy ban nhân dân 21 xã, thị trấn thuộc huyện Củ Chi	19/12/2012	
33	Quyết định	Số 01/2013/QĐ-UBND	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ huyện Củ Chi.	18/01/2013	
34	Quyết định	Số 03/2013/QĐ-UBND	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện huyện Củ Chi	03/09/2013	
35	Quyết định	Số 04/2013/QĐ-UBND	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp huyện Củ Chi.	03/09/2013	
36	Quyết định	Số 05/2013/QĐ-UBND	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đài Truyền thanh huyện Củ Chi.	18/09/2013	
37	Quyết định	Số 06/2013/QĐ-UBND	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Quản lý đô thị huyện Củ Chi.	15/10/2013	

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Thời điểm có hiệu lực	Ghi chú
<b>II. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI</b>					
38	Quyết định	Số 08/2009/QĐ-UBND	Về việc bãi bỏ quyết định số 1137/2006/QĐ-UBND ngày 17/8/2006 của UBND huyện Củ Chi về phê duyệt quy hoạch 08 ngành nghề thương mại và dịch vụ trong lĩnh vực văn hóa-xã hội “nhạy cảm” để phát sinh tệ nạn xã hội trên địa bàn huyện Củ Chi, giai đoạn 2006-2010.	18/05/2009	
<b>III. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN - MÔI TRƯỜNG</b>					
39	Nghị quyết	Số 21/2006/NQ-HĐND	Nghị quyết quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất chi tiết 5 năm 2006-2010	28/07/2006	
40	Nghị quyết	Số 35/2006/NQ-HĐND	Nghị quyết về quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất chi tiết 5 năm 2006-2010 tại Thị trấn huyện Củ Chi	21/12/2006	
41	Quyết định	Số 94/2007/QĐ-UBND	Về ban hành Quy chế quy trình tiếp nhận, chuyển hồ sơ, xử lý và trả kết quả hồ sơ trên lĩnh vực đất đai cho công dân theo cơ chế hành chính “Một cửa liên thông” từ xã đến huyện và ngược lại tại 20 xã và thị trấn.	24/08/2007	
<b>IV. LĨNH VỰC QUY HOẠCH ĐÔ THỊ</b>					
42	Nghị quyết	Số 16/2006/NQ-HĐND	Nghị quyết về thông qua nhiệm vụ quy hoạch đồ án điều chỉnh quy hoạch chung của huyện đến năm 2020	28/07/2006	
43	Nghị quyết	Số 17/2006/NQ-HĐND	Nghị quyết về thông qua nhiệm vụ quy hoạch đồ án quy hoạch chung Thị tứ Trung Lập, khu trung tâm và dân cư xã Trung Lập Hạ, Phước Hiệp, Thái Mỹ.	28/07/2006	



Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Thời điểm có hiệu lực	Ghi chú
44	Quyết định	Số 1511/2006/QĐ-UBND	V/v phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch mạng lưới trường học ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Củ Chi đến năm 2020.	01/11/2006	
45	Quyết định	Số 1898/2006/QĐ-UBND	V/v phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/2000 khu tái định cư Phạm Văn Cội, xã Phạm Văn Cội diện tích 45,10ha.	29/12/2006	
46	Quyết định	Số 46/2007/QĐ-UBND	Về việc phê duyệt đề án quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/2000 khu tái định cư Bàu Đung xã An Nhơn Tây diện tích 53 ha.	14/05/2007	
47	Quyết định	Số 47/2007/QĐ-UBND	Về việc phê duyệt đề án quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/2000 khu tái định cư Tân Phú Trung, xã Tân Phú trung, huyện Củ chi. Diện tích 43,15ha.	14/05/2007	
48	Quyết định	Số 70/2007/QĐ-UBND	Về phê duyệt đề án quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/2000 khu dân cư Hòa Phú, xã Hòa Phú diện tích 143,7 ha.	20/06/2007	
49	Quyết định	Số 84/2007/QĐ-UBND	Về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/2000 khu tái định cư dự án xây dựng công viên Sài Gòn SAFARI, diện tích 28,5 ha.	13/07/2007	
50	Quyết định	Số 85/2007/QĐ-UBND	Về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/2000 khu dân cư Tân Phú Trung (khu 4) xã Tân Phú Trung, diện tích 107 ha.	16/07/2007	
51	Quyết định	Số 86/2007/QĐ-UBND	Về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/2000 khu dân cư Tân Thạnh Đông, diện tích 162,87 ha.	16/07/2007	
52	Quyết định	Số 93/2007/QĐ-UBND	Về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 Khu Trung tâm điều hành cụm công nghiệp cơ khí ô tô xã Hòa Phú, diện tích 41895 ha.	22/08/2007	

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Thời điểm có hiệu lực	Ghi chú
53	Quyết định	Số 19/2008/QĐ-UBND	Về phê duyệt đồ án quy hoạch phát triển mạng lưới Trường học ngành giáo dục đào tạo huyện Củ Chi đến năm 2020.	09/07/2008	
54	Nghị quyết	Số 21/2008/NQ-HĐND	Nghị quyết về bổ sung điều chỉnh một số nội dung của đồ án quy hoạch chung xây dựng huyện Củ Chi đến năm 2020	06/11/2008	
55	Quyết định	Số 23/2008/QĐ-UBND	Về phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 khu tái định cư Tân Phú Trung, Tân Thạnh Tây diện tích 50,2ha thuộc xã Tân Phú Trung và Tân Thạnh Tây	25/08/2008	
<b>V. LĨNH VỰC KHÁC</b>					
56	Quyết định	Số 1566/2006/QĐ-UBND	Về chuyển đổi cơ chế tài chính tại Quyết định số 157/2005/QĐ-UBND ngày 23/8/2005 của UBND Thành phố sang chế độ tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ đối với UBND các xã, thị trấn.	06/11/2006	
57	Quyết định	Số 39/2007/QĐ-UBND	Về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do UBND huyện Củ Chi ban hành trong lĩnh vực kinh doanh.	10/04/2007	
58	Quyết định	Số 44/2007/QĐ-UBND	Về việc hủy bỏ quyết định số 41/2007/QĐ-UBND ngày 25/4/2007 của UBND huyện Củ Chi.	10/05/2007	
59	Quyết định	Số 83/2007/QĐ-UBND	V/v quy định mức thu phí Chợ trên địa bàn huyện Củ Chi	28/06/2007	
60	Quyết định	Số 91/2007/QĐ-UBND	Về việc sử dụng 60% phí dịch vụ hành chính thực hiện mô hình 01 cửa liên thông để chi cho mua sắm tranh thiết bị và chi hỗ trợ bồi dưỡng cho cán bộ, nhân viên bộ phận phục vụ trực tiếp	21/08/2007	
61	Quyết định	Số 10/2009/QĐ-UBND	Về việc ban hành kế hoạch của UBND huyện thực hiện chương trình hành động của Huyện ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị quyết số 26/NQ-TW ngày 05/8/2008 của BCH TW Đảng khóa X.	11/06/2009	

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Thời điểm có hiệu lực	Ghi chú
62	Quyết định	Số 06/2010/QĐ-UBND	Về phê duyệt đề án đào tạo nghề cho người lao động trên địa bàn huyện giai đoạn 2010-2015	30/11/2010	
63	Quyết định	Số 09/2011/QĐ-UBND	Ban hành quy định khu vực đường phố, địa điểm sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng và nơi để phế thải vật liệu xây dựng trên địa bàn huyện Củ Chi	13/10/2011	
64	Chỉ thị	Số 04/2011/CT-UBND	Về triển khai thực hiện Chỉ thị số 725/CT-TTg ngày 17/5/2011 của Thủ tướng chính phủ về phát động phong trào thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2011 và kế hoạch 5 năm (2011-2015) theo Nghị quyết đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng.	11/07/2011	
65	Quyết định	Số 02/2012/QĐ-UBND	Về ban hành kế hoạch triển khai Đề án “tuyên truyền, giáo dục phẩm chất, đạo đức phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước giai đoạn 2011-2015” trên địa bàn huyện.	20/02/2012	
66	Chỉ thị	Số 05/2012/CT-UBND	Về tăng cường lãnh đạo công tác đảm bảo an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, phòng ngừa và kéo giảm tai nạn giao thông trên địa bàn huyện.	19/06/2012	
67	Chỉ thị	Số 04/2012/CT-UBND	V/v tổ chức thực hiện Chỉ thị số 17/2012/CT-UBND ngày 30/5/2012 của UBND TP.HCM về quán triệt và thay thế Thông tri 07/TT-TU ngày 15/8/2011 của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh.	22/06/2012	
68	Chỉ thị	Số 06/2012/CT-UBND	Về thực hiện Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc sau ngày 30/4/1975.	28/06/2012	

<b>Stt</b>	<b>Tên loại văn bản</b>	<b>Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản</b>	<b>Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản</b>	<b>Thời điểm có hiệu lực</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>VI. LĨNH VỰC KINH TẾ NÔNG NGHIỆP</b>					
69	Quyết định	Số 14/2011/QĐ-UBND	Về phê duyệt chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế Nông nghiệp trên địa bàn huyện Củ Chi giai đoạn 2011-2015	05/12/2011	

**Người lập biểu**

**Nguyễn Văn Hạnh**

**CHỦ TỊCH**

**Lê Minh Tấn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN CỬ CHI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH MỤC**

**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CÒN HIỆU LỰC CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN CỬ CHI THUỘC ĐỐI TƯỢNG HỆ THỐNG HÓA TRONG KỲ HỆ THỐNG HÓA**  
*(Kèm theo Quyết định số 9023/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi)*

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Thời điểm có hiệu lực	Ghi chú
<b>I. LĨNH VỰC TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ</b>					
1	Quyết định	Số 1728/2006/QĐ-UBND	Về ban hành quy định chế độ họp trong hoạt động của UBND huyện Cử Chi.	11/12/2006	
2	Quyết định	Số 109/2007/QĐ-UBND	Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo phòng cháy và chữa cháy huyện Cử Chi.	27/09/2007	
3	Quyết định	Số 17/2008/QĐ-UBND	Về ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ huy phòng chống lụt, bão, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của huyện Cử Chi.	10/06/2008	
4	Quyết định	Số 18/2008/QĐ-UBND	Về ban hành Quy chế phối hợp giải quyết bước đầu các vụ đình lãn công không đúng quy định của pháp luật trên địa bàn huyện Cử Chi.	20/06/2008	
5	Quyết định	Số 21/2008/QĐ-UBND	Về ban hành quy định tạm thời về tiêu chuẩn Tổ nhân dân và Tổ dân phố kiểu mẫu.	23/07/2008	

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Thời điểm có hiệu lực	Ghi chú
6	Quyết định	Số 22/2008/QĐ-UBND	Về ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng giáo dục quốc phòng - An ninh huyện Củ Chi.	25/08/2008	
7	Quyết định	Số 29/2008/QĐ-UBND	Về quy định tạm thời về quy định các tuyến đường kiểu mẫu.	24/10/2008	
8	Quyết định	Số 05/2009/QĐ-UBND	Về ban hành Quy chế hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Củ Chi.	09/03/2009	
9	Quyết định	Số 07/2009/QĐ-UBND	Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo phòng không nhân dân huyện Củ Chi.	13/05/2009	
10	Quyết định	Số 01/2010/QĐ-UBND	Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng UBND huyện Củ Chi.	20/04/2010	
11	Quyết định	Số 02/2010/QĐ-UBND	Về ban hành Quy chế làm việc của UBND huyện Củ Chi.	23/04/2010	
12	Quyết định	Số 03/2010/QĐ-UBND	Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra huyện Củ Chi.	13/05/2010	
13	Quyết định	Số 05/2010/QĐ-UBND	Về việc tổ chức làm việc buổi sáng ngày thứ bảy hàng tuần để tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tại UBND huyện và UBND 21 xã, thị trấn.	18/06/2010	
14	Quyết định	Số 07/2010/QĐ-UBND	Về việc điều chuyển đầu công việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TVN ISO 9001:2008 của Phòng Công Thương sang Phòng Quản lý đô thị theo Quyết định số 04/2010/QĐ-UBND ngày 11/5/2010 của UBND huyện Củ Chi	25/11/2010	
15	Quyết định	Số: 02/2011/QĐ-UBND	Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Văn hóa - Thông tin huyện Củ Chi	23/05/2011	

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Thời điểm có hiệu lực	Ghi chú
16	Quyết định	Số:03/2011/QĐ-UBND	Về ban hành Quy chế công tác văn thư lưu trữ cơ quan của UBND huyện Củ Chi	12/06/2011	
17	Quyết định	Số:04/2011/QĐ-UBND	Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Củ Chi	29/07/2011	
18	Quyết định	Số:05/2011/QĐ-UBND	Về ban hành Quy chế và tổ chức hoạt động của Phòng Kinh tế huyện Củ Chi	03/08/2011	
19	Quyết định	Số:06/2011/QĐ-UBND	Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện Củ Chi	08/08/2011	
20	Quyết định	Số:07/2011/QĐ-UBND	Về phân công quản lý nhà nước đối với các tổ chức Hội trên địa bàn huyện Củ Chi	15/09/2011	
21	Quyết định	Số:08/2011/QĐ-UBND	Về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trung tâm văn hóa huyện Củ Chi	05/10/2011	
22	Quyết định	Số 10/2011/QĐ-UBND	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Giáo dục - Đào tạo huyện Củ Chi.	28/11/2011	
23	Quyết định	Số 15/2011/QĐ-UBND	Ban hành quy định về công tác thi đua khen thưởng tại huyện Củ Chi	16/12/2011	
24	Quyết định	Số 03/2012/QĐ-UBND	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm kỹ thuật tổng hợp, hướng nghiệp huyện Củ Chi.	26/04/2012	
25	Chỉ thị	Số 03/2012/CT-UBND	V/v xây dựng Ban chỉ huy quân sự xã, thị trấn vững mạnh toàn diện giai đoạn 2011-2015	14/06/2012	
26	Quyết định	Số 04/2012/QĐ-UBND	Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Y tế huyện Củ Chi.	26/11/2012	

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Thời điểm có hiệu lực	Ghi chú
27	Quyết định	Số 05/2012/QĐ-UBND	Về ban hành Quy chế văn hóa công sở tại Ủy ban nhân dân huyện và Ủy ban nhân dân 21 xã, thị trấn thuộc huyện Củ Chi	19/12/2012	
28	Quyết định	Số 01/2013/QĐ-UBND	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ huyện Củ Chi.	18/01/2013	
29	Quyết định	Số 03/2013/QĐ-UBND	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện huyện Củ Chi	03/09/2013	
30	Quyết định	Số 04/2013/QĐ-UBND	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp huyện Củ Chi.	03/09/2013	
31	Quyết định	Số 05/2013/QĐ-UBND	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đài Truyền thanh huyện Củ Chi.	18/09/2013	
32	Quyết định	Số 06/2013/QĐ-UBND	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Quản lý đô thị huyện Củ Chi.	15/10/2013	
<b>II. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI</b>					
33	Quyết định	Số 08/2009/QĐ-UBND	Về việc bãi bỏ Quyết định số 1137/2006/QĐ-UBND ngày 17/8/2006 của UBND huyện Củ Chi về phê duyệt quy hoạch 08 ngành nghề thương mại và dịch vụ trong lĩnh vực văn hóa-xã hội “nhạy cảm” để phát sinh tệ nạn xã hội trên địa bàn huyện Củ Chi, giai đoạn 2006-2010.	18/05/2009	
<b>III. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN - MÔI TRƯỜNG</b>					
34	Nghị quyết	Số 21/2006/NQ-HĐND	Nghị quyết quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất chi tiết 5 năm 2006-2010	28/07/2006	



Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Thời điểm có hiệu lực	Ghi chú
35	Nghị quyết	Số 35/2006/NQ-HĐND	Nghị quyết về quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất chi tiết 5 năm 2006 - 2010 tại Thị trấn huyện Củ Chi	21/12/2006	
<b>IV. LĨNH VỰC QUY HOẠCH ĐÔ THỊ</b>					
36	Nghị quyết	Số 16/2006/NQ-HĐND	Nghị quyết về thông qua nhiệm vụ quy hoạch đồ án điều chỉnh quy hoạch chung của huyện đến năm 2020	28/07/2006	
37	Nghị quyết	Số 17/2006/NQ-HĐND	Nghị quyết về thông qua nhiệm vụ quy hoạch đồ án quy hoạch chung Thị tứ Trung Lập, khu trung tâm và dân cư xã Trung Lập Hạ, Phước Hiệp, Thái Mỹ.	28/07/2006	
38	Quyết định	Số 1511/2006/QĐ-UBND	V/v phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch mạng lưới trường học ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Củ Chi đến năm 2020.	01/11/2006	
39	Quyết định	Số 1898/2006/QĐ-UBND	V/v phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/2000 khu tái định cư Phạm Văn Cội, xã Phạm Văn Cội diện tích 45,10ha.	29/12/2006	
40	Quyết định	Số 46/2007/QĐ-UBND	Về việc phê duyệt đề án quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/2000 khu tái định cư Bàu Đưng xã An Nhơn Tây diện tích 53 ha.	14/05/2007	
41	Quyết định	Số 47/2007/QĐ-UBND	Về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/2000 khu tái định cư Tân Phú Trung, xã Tân Phú trung, huyện Củ Chi. Diện tích 43,15ha.	14/05/2007	
42	Quyết định	Số 84/2007/QĐ-UBND	Về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/2000 khu tái định cư dự án xây dựng công viên Sài Gòn SAFARI, diện tích 28,5 ha.	13/07/2007	

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Thời điểm có hiệu lực	Ghi chú
43	Quyết định	Số 85/2007/QĐ-UBND	Về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/2000 khu dân cư Tân Phú Trung (khu 4) xã Tân Phú Trung, diện tích 107 ha.	16/07/2007	
44	Quyết định	Số 86/2007/QĐ-UBND	Về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/2000 khu dân cư Tân Thạnh Đông, diện tích 162,87 ha.	16/07/2007	
45	Quyết định	Số 93/2007/QĐ-UBND	Về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 Khu Trung tâm điều hành cụm công nghiệp cơ khí ô tô xã Hòa Phú, diện tích 41895 ha.	22/08/2007	
46	Quyết định	Số 19/2008/QĐ-UBND	Về phê duyệt đồ án quy hoạch phát triển mạng lưới Trường học ngành giáo dục đào tạo huyện Củ Chi đến năm 2020.	09/07/2008	
47	Nghị quyết	Số 21/2008/NQ-HĐND	Nghị quyết về bổ sung điều chỉnh một số nội dung của đồ án quy hoạch chung xây dựng huyện Củ Chi đến năm 2020	06/11/2008	
48	Quyết định	Số 23/2008/QĐ-UBND	Về phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 khu tái định cư Tân Phú Trung, Tân Thạnh Tây diện tích 50,2ha thuộc xã Tân Phú Trung và Tân Thạnh Tây	25/08/2008	
49	Quyết định	Số 1566/2006/QĐ-UBND	Về chuyển đổi cơ chế tài chính tại Quyết định số 157/2005/QĐ-UBND ngày 23/8/2005 của UBND Thành phố sang chế độ tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ đối với UBND các xã, thị trấn.	06/11/2006	
50	Quyết định	Số 39/2007/QĐ-UBND	Về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do UBND huyện Củ Chi ban hành trong lĩnh vực kinh doanh.	10/04/2007	
51	Quyết định	Số 83/2007/QĐ-UBND	V/v quy định mức thu phí Chợ trên địa bàn huyện Củ Chi	28/06/2007	

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Thời điểm có hiệu lực	Ghi chú
52	Quyết định	Số 10/2009/QĐ-UBND	Về việc ban hành kế hoạch của UBND huyện thực hiện chương trình hành động của Huyện ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị quyết số 26/NQ-TW ngày 05/8/2008 của BCH TW Đảng khóa X.	11/06/2009	
53	Quyết định	Số 06/2010/QĐ-UBND	Về phê duyệt đề án đào tạo nghề cho người lao động trên địa bàn huyện giai đoạn 2010-2015	30/11/2010	
54	Quyết định	Số 09/2011/QĐ-UBND	Ban hành quy định khu vực đường phố, địa điểm sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng và nơi để phế thải vật liệu xây dựng trên địa bàn huyện Củ Chi	13/10/2011	
55	Chỉ thị	Số 04/2011/CT-UBND	Về triển khai thực hiện Chỉ thị số 725/CT-TTg ngày 17/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ về phát động phong trào thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2011 và kế hoạch 5 năm (2011-2015) theo Nghị quyết đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng.	11/07/2011	
56	Quyết định	Số 02/2012/QĐ-UBND	Về ban hành kế hoạch triển khai Đề án “tuyên truyền, giáo dục phẩm chất, đạo đức phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước giai đoạn 2011-2015” trên địa bàn huyện.	20/02/2012	
57	Chỉ thị	Số 05/2012/CT-UBND	Về tăng cường lãnh đạo công tác đảm bảo an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, phòng ngừa và kéo giảm tai nạn giao thông trên địa bàn huyện.	19/06/2012	
58	Chỉ thị	Số 04/2012/CT-UBND	V/v tổ chức thực hiện Chỉ thị số 17/2012/CT-UBND ngày 30/5/2012 của UBND TP.HCM về quán triệt và thay thế Thông tri 07/TT-TU ngày 15/8/2011 của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh	22/06/2012	

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Thời điểm có hiệu lực	Ghi chú
59	Chỉ thị	Số 06/2012/CT-UBND	Về thực hiện Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc sau ngày 30/4/1975	28/06/2012	
<b>VI. LĨNH VỰC KINH TẾ NÔNG NGHIỆP</b>					
60	Quyết định	Số 14/2011/QĐ-UBND	Về phê duyệt chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế Nông nghiệp trên địa bàn huyện Củ Chi giai đoạn 2011-2015	05/12/2011	

Người lập biểu

**Nguyễn Văn Hạnh**

**CHỦ TỊCH**

**Lê Minh Tấn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN CỬ CHI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH MỤC**

**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI  
HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ TRONG KỲ HỆ THỐNG HÓA**

*(Kèm theo Quyết định số 9023/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi)*

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
1	Quyết định	Số 44/2007/QĐ-UBND	Về việc hủy bỏ Quyết định số 41/2007/QĐ-UBND ngày 25/4/2007 của UBND huyện Cử Chi.	Kết thúc năm 2007 hết thời hiệu thi hành	31/12/2007
2	Quyết định	Số 91/2007/QĐ-UBND	Về việc sử dụng 60% phí dịch vụ hành chính thực hiện mô hình 01 cửa liên thông để chi cho mua sắm tranh thiết bị và chi hỗ trợ bồi dưỡng cho cán bộ, nhân viên bộ phận phục vụ trực tiếp.	Văn bản hết hiệu lực do UBND Thành phố ban hành công văn số 7055/UBND-TM ngày 14/11/2008 về việc chấn chỉnh việc thu phí, lệ phí trên địa bàn huyện Cử Chi	14/11/2008
3	Quyết định	Số 1578/2006/QĐ-UBND	Về phân bổ số lượng và bố trí các chức danh cán bộ chuyên trách, công chức và cán bộ không chuyên trách xã, thị trấn.	Văn bản trên có căn cứ pháp lý là Nghị định số 121/2003/NĐ-CP ngày 21/10/2003 của Chính phủ về chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn đã được thay thế tại Nghị định 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.	22/10/2009

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
4	Quyết định	Số 94/2007/QĐ-UBND	Về ban hành Quy chế quy trình tiếp nhận, chuyển hồ sơ, xử lý và trả kết quả hồ sơ trên lĩnh vực đất đai cho công dân theo cơ chế hành chính “Một cửa liên thông” từ xã đến huyện và ngược lại tại 20 xã và thị trấn.	Do UBND huyện ban hành Quyết định số 23/2010/QĐ-UBND ngày 06/01/2010 về ban hành Quy chế quy trình tiếp nhận, chuyển hồ sơ, xử lý và trả kết quả hồ sơ trên lĩnh vực cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho công dân theo cơ chế hành chính “một cửa liên thông” từ xã đến huyện và ngược lại tại 20 xã và thị trấn.	06/01/2010
5	Quyết định	Số 09/2008/QĐ-UBND	Về ban hành Quy chế công tác văn thư lưu trữ tại UBND huyện Củ Chi.	Thay thế bằng Quyết định 03/2011/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2011 của UBND huyện ban hành Quy chế công tác văn thư, lưu trữ cơ quan của UBND huyện Củ Chi.	15/06/2011
6	Quyết định	Số 02/2009/QĐ-UBND	Về việc thành lập BCD thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn (TCVN) ISO 9001:2000 vào hoạt động quản lý nhà nước tại UBND huyện Củ Chi.	Thay thế bằng Quyết định 12130/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2011 của UBND huyện về việc kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn (TCVN) ISO 9001:2008 vào hoạt động quản lý nhà nước tại UBND huyện Củ Chi	29/11/2011
7	Nghị quyết	Số 26/2006/NQ-HĐND	Nghị quyết về công nhận phân loại đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn	Hết hiệu lực do UBND Thành phố ban hành Quyết định số 47/2012/QĐ-UBND ngày 08/10/2012 về phân loại đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn.	08/10/2012

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
8	Quyết định	Số 09/2009/QĐ-UBND	Về việc ban hành Quy chế phối hợp công tác giữa Thường trực UBND huyện và Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam huyện Củ Chi.	Thay thế bằng Quyết định 3181/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2013 của UBND huyện về việc ban hành Quy chế phối hợp công tác giữa Thường trực UBND và Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam huyện Củ Chi	28/03/2013
9	Quyết định	Số 70/2007/QĐ-UBND	Về phê duyệt đề án quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/2000 khu dân cư Hòa Phú, xã Hòa Phú diện tích 143,7 ha.	UBND thành phố ban hành Quyết định số 4818/QĐ-UBND ngày 05/9/2013 về duyệt đề án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Hòa Phú, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000.	05/09/2013

**Người lập biểu**

**Nguyễn Văn Hạnh**

**CHỦ TỊCH**

**Lê Minh Tấn**

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng